

Số: 1250 /TB-LTT-KHTC Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2017

THÔNG BÁO

**Về việc chậm nộp học phí học kỳ 1 năm học 2017 - 2018
của Học sinh – Sinh viên Khóa 2015 và Khóa 2016**

Căn cứ các thông báo ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc chậm nộp học phí học kỳ 1 năm học 2017 – 2018 của Học sinh – Sinh viên (HS – SV) các khoa và hạn chót gia hạn học phí là ngày 20/11/2017;

Tuy nhiên, theo báo cáo của phòng Kế hoạch – Tài chính thì đến ngày 30/11/2017, số lượng HS – SV chưa nộp học phí và các khoản thu khác học kỳ 1 năm học 2017 - 2018 vẫn còn cao, thể hiện theo số liệu của bảng chi tiết dưới đây:

ST T	KHOA	Số lượng HS - SV nợ học phí và các khoản thu khác ngày 08/11/2017		Số lượng HS - SV nợ học phí và các khoản thu khác ngày 30/11/2017		Ghi chú
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Khoa Kinh tế	23	14%	20	13%	
2	Khoa CN Cơ khí	210	26%	146	18%	
3	Khoa CN Điện - Điện tử	246	26%	133	14%	
4	Khoa CN Động lực	309	24%	212	16%	
5	Khoa CN May - Thời trang	71	25%	43	15%	
6	Khoa CN Nhiệt – Lạnh	94	25%	71	19%	
7	Khoa Công nghệ Thông tin	163	23%	121	17%	
TỔNG CỘNG		1.116		746		

Một lần nữa Hiệu trưởng đề nghị: phòng Công tác chính trị - Học sinh Sinh viên, Trưởng khoa, Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập nghiêm túc thực hiện việc thông báo và nhắc nhở HS – SV còn nợ học phí và các khoản thu khác (kèm theo danh sách) nhanh chóng đến nộp học phí tại phòng Kế hoạch - Tài chính. **Hạn chót ngày 15/12/2017.**

Đề nghị phòng Tuyển sinh – Đào tạo, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, phòng Công tác chính trị - Học sinh Sinh viên, tổ Thanh tra – Pháp chế nghiêm túc phối hợp thực hiện việc không cho HS – SV còn nợ học phí vào phòng thi trong đợt thi cuối kỳ học kỳ 1 năm học 2017 – 2018.

Trưởng các khoa chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về tình hình HS –SV còn nợ học phí và không được dự thi cuối kỳ học kỳ 1 năm học 2017 - 2018.

Nơi nhận:

- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, P.KH - TC

HIỆU TRƯỞNG 



Phạm Hữu Lộc

**DANH SÁCH HS - SV KHÓA 2015 VÀ KHÓA 2016 CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2017 - 2018 ĐẾN NGÀY 30/11/2017**

(KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN)

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
1	15002297	Huỳnh Tấn Hải	15CĐ-TM1	05/03/1997
2	15000974	Quang Chí Thạnh	15CĐ-TM1	06/02/1997
3	15000853	Trần Minh Trí	15CĐ-TM1	09/01/1997
4	15002750	Đào Phú Tân	15CĐ-TM2	09/02/1997
5	15002728	Hồ Anh Luân	15CĐ-TM2	26/12/1997
6	15002594	Lê Ngọc Thành	15CĐ-TM2	30/11/1990
7	15002006	Lương Hoài Nhớ	15CĐ-TM2	08/09/1996
8	15002804	Nguyễn Phúc Hậu	15CĐ-TM2	27/10/1997
9	15002002	Nguyễn Quân	15CĐ-TM2	05/09/1997
10	15002638	Phạm Ái Nhi	15CĐ-TM2	16/03/1997
11	15002369	Phạm Nhã Tuấn	15CĐ-TM2	17/10/1997
12	15002180	Trần Minh Tuấn	15CĐ-TM2	04/01/1996
13	15001154	Đỗ Đức Huy	15CĐ-TP1	22/12/1996
14	15001294	Đỗ Huy	15CĐ-TP1	19/01/1997
15	15001893	Lê Hữu Hào	15CĐ-TP1	15/10/1996
16	15001084	Nguyễn Quang Hữu	15CĐ-TP1	16/10/1995
17	15001788	Nguyễn Thị Minh Nhật	15CĐ-TP1	23/05/1995
18	15001246	Nguyễn Trọng Hiếu	15CĐ-TP1	19/06/1996
19	15001413	Nguyễn Văn Hải	15CĐ-TP1	29/09/1997
20	15001014	Nguyễn Văn Hồng	15CĐ-TP1	03/10/1997
21	15001585	Nguyễn Văn Sang	15CĐ-TP1	25/09/1996
22	15000648	Trần Thị Mỹ Nương	15CĐ-TP1	27/04/1995
23	15003119	Vũ Đăng Khoa	15CĐ-TP1	28/01/1997
24	15002879	Châu Minh Hùng	15CĐ-TP2	20/02/1996
25	15002863	Nguyễn Tiến Triệu	15CĐ-TP2	29/05/1997
26	15001706	Trần Ngọc Tùng	15CĐ-TP2	21/06/1996
27	15002771	Trần Phước Lộc	15CĐ-TP2	13/05/1997
28	15000424	Bùi Hoài Quốc Thanh	15CĐ-TW	17/07/1997
29	15002255	Nguyễn Thanh Bình	15CĐ-TW	17/02/1996
30	15002590	Nguyễn Thị Ngọc Kim	15CĐ-TW	29/10/1997
31	15002738	Nông Thị Thu Thủy	15CĐ-TW	14/10/1997
32	15002414	Huỳnh Quốc Cường	15TCN-QTM1	13/11/2000
33	15000367	Lê Đỗ Huyền Trân	15TCN-QTM1	31/01/2000
34	15003040	Lê Ngọc Khanh	15TCN-QTM1	26/09/2000
35	15000891	Lê Nhã Trúc	15TCN-QTM1	23/09/2000
36	15000073	Nguyễn Hoàng Nhật Huy	15TCN-QTM1	10/09/2000

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
37	15003402	Nguyễn Phạm Thanh Thảo	15TC-QTM	15/12/1999
38	16003930	Ngô Thanh Danh	16CD-LTCNTT	01/12/1990
39	16003939	Nguyễn Thanh Lộc	16CD-LTCNTT	29/8/1996
40	16003952	Tiêu Vạn Quang	16CD-LTCNTT	16/9/1987
41	16001954	Đàm Văn Bình	16CD-TM1	21/10/1997
42	16001778	Liêu Hồ Vũ Khánh	16CD-TM1	13/08/1998
43	16002234	Nguyễn Công Hùng	16CD-TM1	25/11/1998
44	16003522	Nguyễn Minh Trọng	16CD-TM1	20/01/1998
45	16002116	Nguyễn Ngọc Bảo	16CD-TM1	10/09/1998
46	16002118	Nguyễn Nhật Hào	16CD-TM1	25/07/1998
47	16001439	Nguyễn Thành An	16CD-TM1	30/05/1998
48	16001633	Phạm Hoàng Gia Bảo	16CD-TM1	20/12/1998
49	16003688	Phùng Hà Công	16CD-TM1	02/05/1996
50	16002276	Võ Nhật Duy	16CD-TM1	11/03/1998
51	16002609	Lê Phùng Mạnh Thảo	16CD-TM2	18/12/1997
52	16002535	Nguyễn Đạo Minh	16CD-TM2	08/01/1998
53	16003898	Nguyễn Hoàng Minh Huy	16CD-TM2	29/07/1993
54	16001177	Nguyễn Minh Hiếu	16CD-TM2	19/12/1998
55	16003738	Nguyễn Thành Nam	16CD-TM2	21/06/1997
56	16002736	Trần Quốc Việt	16CD-TM2	22/04/1998
57	16003420	Nguyễn Viết Hiệp	16CD-TP1	25/08/1998
58	16003881	Phạm Hoa Vinh	16CD-TP1	02/06/1996
59	16002976	Lê Vinh	16CD-TP2	06/06/1998
60	16000825	Đàm Trí Dũng	16CD-TW1	18/07/1998
61	16003628	Hồ Đình Thoại	16CD-TW1	25/04/1997
62	16000839	Lê Anh Thư	16CD-TW1	19/02/1998
63	16000873	Nguyễn Ánh Quốc	16CD-TW1	04/08/1997
64	16003250	Nguyễn Bá Thịnh	16CD-TW1	23/02/1997
65	16003368	Nguyễn Hoàng Anh Trung	16CD-TW1	31/03/1998
66	16003851	Nguyễn Văn Châu	16CD-TW1	07/01/1998
67	16001333	Vòng Bing Kiệt	16CD-TW1	31/10/1998
68	16002142	Bùi Tấn Phái	16CD-TW2	30/05/1997
69	16002645	Châu Đình Thắng	16CD-TW2	21/10/1995
70	16001993	Đào Văn Thân	16CD-TW2	28/06/1998
71	16001942	Hạ Quốc Thắng	16CD-TW2	05/08/1998
72	16001726	Lê Trọng Hữu	16CD-TW2	13/09/1998
73	16001470	Lý Huỳnh Quang Vinh	16CD-TW2	06/06/1997
74	16002139	Nguyễn Anh Quốc	16CD-TW2	27/09/1998
75	16002062	Nguyễn Hồng Thái	16CD-TW2	08/02/1997
76	16002390	Phạm Xuân Thành	16CD-TW2	08/02/1997
77	16001647	Tạ Lê Minh Thiện	16CD-TW2	18/02/1997
78	16003125	Văn Minh Tân	16CD-TW2	23/02/1998

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
79	16001909	Võ Đông Kiên	16CĐ-TW2	03/09/1996
80	16000457	Đặng Quốc Cường	16TCN-QTM1	21/03/2001
81	16000357	Đoàn Chí Tân	16TCN-QTM1	16/08/2001
82	16000288	Lê Thành Dương	16TCN-QTM1	14/07/2001
83	16002706	Lương Hiền Hoài	16TCN-QTM1	19/09/2000
84	16000464	Lý Đông Quyền	16TCN-QTM1	28/04/2001
85	16000547	Nguyễn Đoàn Thanh Quang	16TCN-QTM1	04/10/2001
86	16000267	Nguyễn Ngọc Diệp	16TCN-QTM1	01/11/2001
87	16000003	Nguyễn Quốc Thắng	16TCN-QTM1	04/11/1997
88	16000635	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	16TCN-QTM1	20/08/2001
89	16000228	Nguyễn Trần Thanh Tú	16TCN-QTM1	19/09/2000
90	16000034	Phạm Phương Lâm	16TCN-QTM1	04/01/2001
91	16000540	Trần Phi Long	16TCN-QTM1	10/11/2000
92	16000081	Trần Tuấn Hiếu	16TCN-QTM1	23/11/2001
93	16000037	Trương Mạnh Hiếu	16TCN-QTM1	03/08/2001
94	16003538	Bùi Anh Kiệt	16TCN-QTM2	03/04/2000
95	16002111	Đỗ Duy Minh	16TCN-QTM2	05/04/2001
96	16000062	Đoàn Ngọc Giao Tiên	16TCN-QTM2	16/11/2001
97	16001282	Hoàng Thế Toàn	16TCN-QTM2	28/06/1999
98	16000637	Lê Minh Đức	16TCN-QTM2	03/02/2001
99	16002412	Lê Như Sáng	16TCN-QTM2	07/08/1997
100	16003630	Lê Quốc Nhật	16TCN-QTM2	04/04/2001
101	16001464	Nguyễn Hoàng Tâm	16TCN-QTM2	12/08/2001
102	16000575	Nguyễn Nhật Minh	16TCN-QTM2	09/06/2001
103	16001387	Nguyễn Phúc Thắng	16TCN-QTM2	10/04/1999
104	16000585	Nguyễn Thanh Hậu	16TCN-QTM2	20/01/2001
105	16000713	Nguyễn Thành Tài	16TCN-QTM2	02/07/2001
106	16002956	Nguyễn Trường Thịnh	16TCN-QTM2	15/02/2001
107	16002988	Nguyễn Vũ Hoàng Duy	16TCN-QTM2	01/01/2001
108	16003906	Phạm Gia Khiêm	16TCN-QTM2	14/11/2000
109	16003682	Phan Nguyễn Quỳnh Thy	16TCN-QTM2	21/09/2001
110	16001049	Thái Kim Trọng	16TCN-QTM2	20/10/1997
111	16001546	Thiều Văn Phước Tài	16TCN-QTM2	06/03/2000
112	16003870	Trần Văn Sang	16TCN-QTM2	18/01/2001
113	16000199	Đỗ Đặng Thiên Phúc	16TC-QTM	29/10/2001
114	16001811	Mai Chí Ba	16TC-QTM	14/11/1997
115	16000584	Phan Trần Minh Đan	16TC-QTM	16/04/2000
116	16002582	Võ Nhật Minh	16TC-QTM	11/08/2000
117	16001664	Lê Gia Huy	16TCT-QTM	22/09/1998
118	16002255	Lê Huỳnh Bá Lộc	16TCT-QTM	13/08/1998
119	16000777	Phan Trọng Nghĩa	16TCT-QTM	06/09/1997
120	16000913	Quách Ngọc Tú Thương	16TCT-QTM	21/09/1996

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
121	16003081	Trần Vĩnh Thành	16TCT-QTM	28/10/1998
Tổng cộng: 121 HS - SV				

Ngày 01 tháng 12 năm 2017

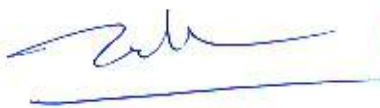
NGƯỜI LẬP BẢNG

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thảo Vân



Nguyễn Kinh



Phạm Hữu Lộc

**DANH SÁCH HS - SV KHÓA 2015 VÀ KHÓA 2016 CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2017 - 2018 ĐẾN NGÀY 30/11/2017**

(KHOA CÔNG NGHỆ NHIỆT - LẠNH)

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
1	15001156	Hà Thanh Hùng	15CD-ĐL1	10/08/1997
2	15003289	Kiều Ngọc Long	15CD-ĐL1	11/09/1997
3	15003219	Ngô Hoàng Anh	15CD-ĐL1	26/12/1997
4	15001233	Ngô Minh Bảo	15CD-ĐL1	17/07/1997
5	15001263	Nguyễn Duy Thành	15CD-ĐL1	29/06/1996
6	15003264	Nguyễn Lương phi Hùng	15CD-ĐL1	10/11/1997
7	15002788	Nguyễn Minh Khiêm	15CD-ĐL1	29/04/1995
8	15001369	Ninh Minh Tuấn	15CD-ĐL1	17/02/1996
9	15001477	Phạm Minh Cường	15CD-ĐL1	14/01/1997
10	15001423	Phạm Ngọc Trai	15CD-ĐL1	20/06/1997
11	15002410	Trương Thanh Khoa	15CD-ĐL1	31/10/1997
12	15002420	Vĩnh Thành Lâm	15CD-ĐL1	20/03/1997
13	15002149	Đỗ Quốc Kỳ	15CD-ĐL2	02/11/1997
14	15003012	Đỗ Trọng Nghĩa	15CD-ĐL2	19/08/1994
15	15001660	Huỳnh Đức Trọng	15CD-ĐL2	09/03/1997
16	15001509	Huỳnh Trần Được	15CD-ĐL2	05/01/1997
17	15001303	Lê Minh Tuấn	15CD-ĐL2	23/03/1996
18	15002030	Lê Ngọc Nông	15CD-ĐL2	26/9/1997
19	15002748	Lư Hoàng Minh	15CD-ĐL2	15/11/1996
20	15002345	Ngô Tấn Quốc	15CD-ĐL2	05/09/1997
21	15002755	Nguyễn Anh Tuấn	15CD-ĐL2	28/09/1997
22	15003269	Nguyễn Hải Thiện	15CD-ĐL2	05/12/1996
23	15001669	Nguyễn Kim Thanh	15CD-ĐL2	04/04/1993
24	15002241	Nguyễn Minh Chiến	15CD-ĐL2	17/01/1997
25	15003383	Nguyễn Quang Thanh	15CD-ĐL2	03/12/1997
26	15001955	Phạm Duy Liêu	15CD-ĐL2	15/01/1997
27	15001795	Phạm Trung Linh	15CD-ĐL2	18/05/1997
28	15002038	Phạm Xuân Mai	15CD-ĐL2	10/05/1997
29	15002243	Phan Xuân Thông	15CD-ĐL2	19/12/1997
30	15002164	Quách Thiệu Minh	15CD-ĐL2	04/07/1997
31	15002340	Trần Anh Tài	15CD-ĐL2	17/05/1997
32	15001802	Trần Quang Nhẫn	15CD-ĐL2	11/10/1997
33	15003304	Trang Minh Tiến	15CD-ĐL2	21/11/1995
34	15001391	Trương Thanh Thịnh	15CD-ĐL2	15/5/1997
35	15003062	Võ Văn Song Toàn	15CD-ĐL2	04/08/1997
36	15003473	Nguyễn Huy Nhật Huy	15TC-NL	28/11/2000
37	15002425	Thân Hữu Kiệt	15TCN-LĐL	12/07/2000

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
38	16001655	Dương Quan Minh	16CĐ-ĐL1	20/01/1997
39	16001569	Kiều Anh Hào	16CĐ-ĐL1	02/11/1998
40	16001654	Lâm Thanh Trường	16CĐ-ĐL1	10/01/1998
41	16001742	Lương Tuấn Kiệt	16CĐ-ĐL1	15/11/1997
42	16001147	Nguyễn Quang Linh	16CĐ-ĐL1	18/08/1998
43	16002460	Huỳnh Đại Nghĩa	16CĐ-ĐL2	29/05/1998
44	16001930	Nguyễn Bá Minh Hoàng	16CĐ-ĐL2	04/07/1998
45	16001901	Nguyễn Minh Khanh	16CĐ-ĐL2	28/07/1997
46	16001970	Nguyễn Nhật Hưng	16CĐ-ĐL2	30/08/1998
47	16002149	Nguyễn Nhựt Kha	16CĐ-ĐL2	02/05/1996
48	16001968	Nguyễn Văn Long	16CĐ-ĐL2	13/12/1998
49	16001842	Phạm Nguyễn Trung Hiếu	16CĐ-ĐL2	09/12/1998
50	16002102	Trần Đình Khương Duy	16CĐ-ĐL2	24/07/1997
51	16002318	Trương Văn Ninh	16CĐ-ĐL2	06/02/1997
52	16002646	Châu Đình Phương	16CĐ-ĐL3	28/07/1997
53	16002805	Đào Đình Cường	16CĐ-ĐL3	22/09/1997
54	16001602	Nguyễn Hữu Toàn	16CĐ-ĐL3	12/11/1998
55	16002659	Nguyễn Huỳnh Đức Phúc	16CĐ-ĐL3	14/07/1998
56	16003262	Nguyễn Quang Sang	16CĐ-ĐL3	21/02/1998
57	16002658	Nguyễn Văn Tuyền	16CĐ-ĐL3	27/04/1998
58	16003700	Phạm Duy Tâm	16CĐ-ĐL3	06/10/1994
59	16003354	Phạm Tấn Tài	16CĐ-ĐL3	16/10/1997
60	16003531	Trần Đức Sơn	16CĐ-ĐL3	17/06/1998
61	16002758	Trần Mạnh Duy	16CĐ-ĐL3	17/08/1997
62	16003622	Võ Minh Nhựt	16CĐ-ĐL3	19/12/1996
63	16000045	Đặng Gia Thành	16TCN-LĐL1	03/12/2001
64	16000171	Lê Kim Thìn	16TCN-LĐL1	31/12/2000
65	16002030	Lê Vũ Công Truyền	16TCN-LĐL1	13/01/2000
66	16000421	Nguyễn Hiếu Hồng Phi	16TCN-LĐL1	14/10/2000
67	16000509	Nguyễn Hoàng Anh	16TCN-LĐL1	15/02/2001
68	16000103	Nguyễn Quốc Trường	16TCN-LĐL1	12/06/2000
69	16000234	Nguyễn Trọng Phú Cường	16TCN-LĐL1	26/06/2001
70	16000128	Nguyễn Trung Hiếu	16TCN-LĐL1	28/06/2001
71	16000012	Vũ Lê Bá Tùng	16TCN-LĐL1	12/09/2000
Tổng cộng: 71 HS - SV				

Ngày 01 tháng 12 năm 2017

NGƯỜI LẬP BẢNG

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thảo Vân



Nguyễn Kính



Phạm Hữu Lộc

**DANH SÁCH HS - SV KHÓA 2015 VÀ KHÓA 2016 CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2017 - 2018 ĐẾN NGÀY 30/11/2017**

(KHOA CÔNG NGHỆ MAY- THỜI TRANG)

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
1	15003177	Đặng Thị Mỹ Hạnh	15CĐ-MTT1	06/6/1994
2	15001524	Đoàn Thị Phương Thảo	15CĐ-MTT1	18/08/1997
3	15000998	Hồ Thị Thanh Tuyền	15CĐ-MTT1	08/03/1997
4	15001120	Võ Thị Mỹ Duyên	15CĐ-MTT1	19/04/1995
5	15001705	Đạo Ri Nô	15CĐ-MTT2	12/04/1996
6	15001982	Đỗ Thị Thúy Diễm	15CĐ-MTT2	15/05/1997
7	15002331	Dương Thị Bích Thảo	15CĐ-MTT2	30/10/1997
8	15001677	Lâm Huỳnh Huế Trinh	15CĐ-MTT2	13/02/1997
9	15003046	Nguyễn Bảo Ân	15CĐ-MTT2	26/01/1990
10	15001642	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	15CĐ-MTT2	29/12/1997
11	15001793	Nguyễn Thị Bé Hà	15CĐ-MTT2	15/11/1996
12	15002097	Nguyễn Thị Bích Nguyễn	15CĐ-MTT2	16/08/1994
13	15002265	Nguyễn Thị Duyên An	15CĐ-MTT2	14/09/1997
14	15001907	Nguyễn Thị Ngọc Bích	15CĐ-MTT2	04/01/1997
15	15002023	Nguyễn Thị Thanh Nhiên	15CĐ-MTT2	22/11/1997
16	15002507	Trần Thị Chung	15CĐ-MTT2	03/03/1996
17	15002805	Trần Thị Tiếp	15CĐ-MTT2	01/09/1996
18	15002062	Trần Thị Trà Mi	15CĐ-MTT2	1996
19	15002529	Trương Nam Việt Anh	15CĐ-MTT2	10/08/1996
20	15002227	Võ Thị Nguyên Thảo	15CĐ-MTT2	12/01/1997
21	15003215	Võ Thị Thu Tinh	15CĐ-MTT2	20/02/1997
22	15002951	Lê Huyền Thuý An	15TCN-MTT	07/10/1999
23	15000063	Nguyễn Mai Hương	15TCN-MTT	10/10/2000
24	15002258	Phạm Vũ Quế Trân	15TCN-MTT	20/02/2000
25	15003378	Trần Thị Thanh Hằng	15TCN-MTT	08/02/2000
26	16000707	Bùi Thị Thanh Vy	16CĐ-MTT1	01/06/1998
27	16003660	Dương Hồng Trúc	16CĐ-MTT1	11/07/1998
28	16000832	Lê Nguyễn Mỹ Hào	16CĐ-MTT1	24/12/1997
29	16001376	Nguyễn Bá Hậu	16CĐ-MTT1	16/12/1997
30	16003639	Nguyễn Thị Hằng	16CĐ-MTT1	02/01/1998
31	16003664	Nguyễn Thị Thanh Nhân	16CĐ-MTT1	01/11/1998
32	16000878	Nguyễn Thị Thu Hà	16CĐ-MTT1	22/06/1998
33	16001437	Nguyễn Trần Thị Tuyết Hồng	16CĐ-MTT1	11/11/1998
34	16001483	Văn Thị Thu Trâm	16CĐ-MTT1	14/04/1998
35	16001911	Vũ Thanh Bình	16CĐ-MTT1	26/05/1997
36	16003227	Biện Thanh Hùng	16CĐ-MTT2	01/01/1998
37	16003017	Lê Nhật Hà	16CĐ-MTT2	02/12/1998

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
38	16003782	Nguyễn Thị Ninh	16CĐ-MTT2	25/02/1997
39	16003850	Nguyễn Thị Thu Uyên	16CĐ-MTT2	04/08/1998
40	16003318	Trần Thị Kim Luyện	16CĐ-MTT2	01/03/1998
41	16003712	Trần Thị Mỹ Diễm	16CĐ-MTT2	12/04/1998
42	16003305	Văn Thị Bích Quân	16CĐ-MTT2	12/07/1997
43	16002913	Phạm Thành Đạt	16TC-MTT	22/09/2000
Tổng cộng: 43 HS - SV				

Ngày 01 tháng 12 năm 2017

NGƯỜI LẬP BẢNG

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thảo Vân



Nguyễn Kinh



Phạm Hữu Lộc

**DANH SÁCH HS - SV KHÓA 2015 VÀ KHÓA 2016 CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2017 - 2018 ĐẾN NGÀY 30/11/2017**

(KHOA CÔNG NGHỆ ĐỘNG LỰC)

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
1	15003485	Nguyễn Quốc Thế	15CDN-Ô	05/06/1997
2	15002746	Huỳnh Bảo Anh	15CD-Ô1	18/04/1997
3	15000860	Mai Xuân Trường	15CD-Ô1	22/9/1997
4	15000816	Nguyễn Hồng Tơ	15CD-Ô1	10/12/1997
5	15000814	Nguyễn Thành Bảo	15CD-Ô1	24/01/1997
6	15003181	Nguyễn Thanh Hồng	15CD-Ô1	26/10/1981
7	15000855	Phạm Tài Tuấn	15CD-Ô1	29/11/1997
8	15003168	Phạm Văn Hậu	15CD-Ô1	03/05/1997
9	15002493	Bùi Thượng Lưu	15CD-Ô2	10/10/1997
10	15002745	Đặng Hoàng Sang	15CD-Ô2	01/08/1997
11	15000656	Huỳnh Nhật Duy	15CD-Ô2	21/11/1997
12	15000614	Lê Thanh Hưng	15CD-Ô2	24/04/1997
13	15000583	Ngô Năng Võ	15CD-Ô2	17/04/1997
14	15000655	Nguyễn Chánh Triệu	15CD-Ô2	22/04/1997
15	15003359	Nguyễn Đức Hiền	15CD-Ô2	08/05/1997
16	15003202	Nguyễn Hữu Hậu	15CD-Ô2	03/05/1997
17	15000730	Trần Minh Trung	15CD-Ô2	12/09/1997
18	15000712	Võ Hoài Nam	15CD-Ô2	24/10/1997
19	15002593	Võ Minh Khương	15CD-Ô2	23/11/1997
20	15000546	Bùi Phúc Thịnh	15CD-Ô3	24/07/1997
21	15000554	Cao Phi Long	15CD-Ô3	27/03/1997
22	15002923	Lưu Hữu Sang	15CD-Ô3	08/08/1997
23	15002685	Nguyễn Huỳnh Mạnh	15CD-Ô3	31/12/1997
24	15001093	Huỳnh Trương Phương	15CD-Ô4	08/10/1997
25	15003510	Nguyễn Bùi Như Ý	15CD-Ô4	14/01/1997
26	15001108	Nguyễn Ngọc Tuấn	15CD-Ô4	24-3-1997
27	15001121	Phạm Minh Lưu	15CD-Ô4	13/06/1996
28	15001614	Phan Duy Thiện	15CD-Ô4	08/01/1996
29	15002303	Lê Duy Anh	15CD-Ô5	18/02/1996
30	15001409	Nguyễn Thanh Liêm	15CD-Ô5	25/1/1997
31	15001453	Nguyễn Tấn Khải	15CD-Ô6	05/05/1997
32	15002041	Phan Nguyễn Duy Khiêm	15CD-Ô6	27/4/1997
33	15000775	Phạm Quốc Khánh	15TCN-Ô1	05/01/1999
34	15000392	Võ Tuấn Anh	15TCN-Ô1	25/03/2000

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
35	15000493	Vương Anh Bảo	15TCN-Ô1	28/07/1999
36	15003118	Nguyễn Quang Trường	15TC-Ô	17/07/1998
37	15003022	Thắm Trung Anh	15TC-Ô	11/11/1998
38	16003951	Ngô Tấn Tú	16CĐ-LTÔTÔ	27/11/1992
39	16003918	Nguyễn Thành Hiếu	16CĐ-LTÔTÔ	02/4/1997
40	16001591	Gip Lương Phong	16CĐN-Ô1	18/07/1998
41	16000715	Trương Đăng Quy	16CĐN-Ô1	28/03/1998
42	16003150	Bùi Tấn Vương	16CĐN-Ô2	27/01/1997
43	16003771	Điêu Anh Hùng	16CĐN-Ô2	04/02/1998
44	16003187	Đoàn Quốc Vương	16CĐN-Ô2	01/06/1998
45	16003493	Đồng Văn Nhựt	16CĐN-Ô2	22/10/1998
46	16002407	La Văn Giới	16CĐN-Ô2	19/12/1997
47	16003734	Lê Hải Quốc Khoa	16CĐN-Ô2	26/12/1996
48	16003344	Lê Quang Đạt	16CĐN-Ô2	22/01/1997
49	16003461	Lý Xuân Duy	16CĐN-Ô2	16/06/1997
50	16000178	Nguyễn Đức Duy	16CĐN-Ô2	08/03/1997
51	16003343	Nguyễn Hữu Nhu	16CĐN-Ô2	06/04/1998
52	16002795	Phạm Học Gia Luân	16CĐN-Ô2	11/11/1998
53	16003776	Phạm Ngọc Thiện	16CĐN-Ô2	02/06/1998
54	16002776	Phạm Tấn Tài	16CĐN-Ô2	07/09/1998
55	16003167	Trần Quốc Đạt	16CĐN-Ô2	21/11/1996
56	16003529	Đinh Quý Gia Huy	16CĐ-Ô1	02/02/1998
57	16000739	Ngô Thanh Nguyên	16CĐ-Ô1	22/12/1998
58	16000763	Nguyễn Đức Huy	16CĐ-Ô1	03/05/1997
59	16001302	Trần Minh Dũng	16CĐ-Ô1	20/01/1998
60	16000850	Hoàng Đức Huy	16CĐ-Ô10	15/08/1998
61	16000797	Huỳnh Hữu Tình	16CĐ-Ô10	22/10/1998
62	16000895	Huỳnh Tiến Thành	16CĐ-Ô10	10/06/1998
63	16000815	Nguyễn Lê Vũ Tường	16CĐ-Ô10	01/02/1998
64	16000841	Nguyễn Thái Long	16CĐ-Ô10	25/03/1997
65	16000910	Nguyễn Thành Luân	16CĐ-Ô10	23/12/1998
66	16000836	Nguyễn Văn Phát	16CĐ-Ô10	15/08/1997
67	16000907	Phạm Văn Thắng	16CĐ-Ô10	08/09/1998
68	16000902	Trương Hữu Phạm	16CĐ-Ô10	17/02/1998
69	16001017	Đỗ Minh Hải	16CĐ-Ô11	10/05/1995
70	16000989	Đỗ Trọng Dương	16CĐ-Ô11	26/09/1997
71	16001073	Lê Hữu Tài	16CĐ-Ô11	14/06/1998
72	16000944	Lý Hoàng Tuấn Kiệt	16CĐ-Ô11	19/09/1998
73	16000982	Nguyễn Cao Tấn	16CĐ-Ô11	21/06/1998

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
74	16001218	Nguyễn Tấn Tới	16CD-Ô11	29/12/1998
75	16001031	Phạm Văn Minh Nhựt	16CD-Ô11	19/05/1998
76	16000956	Trịnh Hoài Vĩ	16CD-Ô11	20/07/1998
77	16001022	Trịnh Khôi Nguyên	16CD-Ô11	03/06/1998
78	16001142	Chung Vĩnh Luân	16CD-Ô12	24/04/1998
79	16001111	Hoàng Quốc Trung	16CD-Ô12	01/11/1998
80	16001078	Lê Văn Đại	16CD-Ô12	27/01/1998
81	16001148	Nguyễn Trần Minh Đức	16CD-Ô12	15/05/1998
82	16001077	Nguyễn Văn Nhã	16CD-Ô12	08/01/1998
83	16001129	Phạm Văn Tiến	16CD-Ô12	10/10/1998
84	16001152	Trần Quốc Thanh	16CD-Ô12	23/11/1998
85	16001090	Trần Việt Cường	16CD-Ô12	25/05/1998
86	16001273	Võ Chí Trung	16CD-Ô12	29/01/1998
87	16001482	Đặng Gia Thịnh	16CD-Ô2	03/06/1997
88	16001352	Lê Thành Phát	16CD-Ô2	14/08/1998
89	16003340	Nguyễn Văn Linh	16CD-Ô2	10/10/1996
90	16001350	Phan Ngọc Minh Thịnh	16CD-Ô2	05/10/1998
91	16001331	Trần Ngọc Cảnh	16CD-Ô2	29/07/1997
92	16001620	Đinh Hoàng Anh Tuấn	16CD-Ô3	19/08/1998
93	16001533	Hoàng Long Bảo Chấn	16CD-Ô3	14/07/1998
94	16001619	Nguyễn Minh Kiệt	16CD-Ô3	27/02/1998
95	16001555	Nguyễn Ngọc Trung	16CD-Ô3	17/08/1998
96	16001520	Nguyễn Phúc Toàn	16CD-Ô3	13/01/1997
97	16001653	Nguyễn Quốc Tùng	16CD-Ô3	13/10/1998
98	16001508	Nguyễn Thanh Hòa	16CD-Ô3	12/07/1996
99	16001618	Nguyễn Thanh Phong	16CD-Ô3	19/02/1998
100	16001554	Phạm Thế Vinh	16CD-Ô3	15/03/1998
101	16001504	Phan Quốc Việt	16CD-Ô3	01/07/1998
102	16001645	Sùng A Sèn	16CD-Ô3	30/12/1997
103	16003585	Trần Minh Nam	16CD-Ô3	01/01/1997
104	16001586	Trần Triều Tân	16CD-Ô3	05/05/1998
105	16001771	Đỗ Duy Thảo	16CD-Ô4	06/11/1998
106	16001787	Dương Minh Đức	16CD-Ô4	09/08/1997
107	16001284	Huỳnh Nhật Nam	16CD-Ô4	04/10/1998
108	16001681	Mai Quốc Thái	16CD-Ô4	19/03/1998
109	16002967	Nguyễn Tấn Phong	16CD-Ô4	10/08/1998
110	16001819	Nguyễn Văn Danh	16CD-Ô4	02/12/1998
111	16001801	Nguyễn Xuân Duy	16CD-Ô4	18/09/1998
112	16001693	Phạm Duy Tân	16CD-Ô4	17/09/1997

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
113	16003618	Trần Hoàng Huy	16CD-Ô4	10/11/1998
114	16001805	Trần Hồng Quân	16CD-Ô4	18/10/1993
115	16001232	Trần Minh Khá	16CD-Ô4	13/08/1997
116	16003690	Võ Ngọc Đức	16CD-Ô4	30/08/1997
117	16002705	Vũ Anh Nguyên	16CD-Ô4	14/10/1998
118	16002077	Đinh Vĩnh Phú	16CD-Ô5	04/02/1997
119	16003717	Hà Tuấn Anh	16CD-Ô5	22/05/1998
120	16002032	Lê Truyền Long	16CD-Ô5	18/07/1998
121	16001995	Nguyễn Duy	16CD-Ô5	20/04/1998
122	16001957	Nguyễn Hữu Huyền	16CD-Ô5	18/02/1998
123	16001955	Nguyễn Phúc Thiện	16CD-Ô5	03/09/1997
124	16002013	Phan Thanh Lâm	16CD-Ô5	16/08/1997
125	16001958	Trà Thanh Lam	16CD-Ô5	05/09/1997
126	16001872	Trần Công Tiến	16CD-Ô5	02/06/1998
127	16001904	Trần Ngọc Hồng Hải	16CD-Ô5	01/04/1998
128	16001279	Cao Văn Phong	16CD-Ô6	15/03/1998
129	16002252	Đoàn Thế Khải	16CD-Ô6	17/08/1996
130	16003741	Hà Văn Đông	16CD-Ô6	25/03/1998
131	16001249	Hoàng Tuấn Phong	16CD-Ô6	02/06/1998
132	16002213	Huỳnh Ngọc Quý	16CD-Ô6	10/09/1997
133	16002126	Nguyễn Công Minh	16CD-Ô6	23/05/1998
134	16002356	Nguyễn Quyền Yến Nhi	16CD-Ô6	20/10/1997
135	16002220	Trần Chí Thành	16CD-Ô6	24/02/1998
136	16002219	Trần Đình Bảo	16CD-Ô6	23/09/1998
137	16002130	Vũ Duy Lâm	16CD-Ô6	12/02/1998
138	16002287	Vũ Hữu Huy	16CD-Ô6	18/11/1998
139	16002486	Đinh Trọng Tuấn	16CD-Ô7	10/10/1997
140	16002485	Hồ Ngô Thanh Thiên	16CD-Ô7	24/01/1998
141	16002503	Huỳnh Trần Minh Trí	16CD-Ô7	25/01/1995
142	16002496	Lâm Tín Nghĩa	16CD-Ô7	20/08/1997
143	16002555	Lê Ngọc Thiện	16CD-Ô7	19/03/1998
144	16002420	Ngô Tấn Trường	16CD-Ô7	19/10/1998
145	16002465	Nguyễn Hoàng Tuấn	16CD-Ô7	19/04/1996
146	16002436	Nguyễn Quốc Duy	16CD-Ô7	27/07/1997
147	16002408	Nguyễn Văn Thiên	16CD-Ô7	26/09/1998
148	16002554	Phạm Nguyễn Cường Thịnh	16CD-Ô7	07/09/1998
149	16002475	Phạm Phước Trường	16CD-Ô7	27/09/1998
150	16002464	Trần Minh Tuấn	16CD-Ô7	26/09/1998
151	16002364	Trần Phạm Thế Ngọc	16CD-Ô7	17/06/1998

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
152	16003329	Trang Minh Khiêm	16CD-Ô7	01/05/1998
153	16002715	Đàm Quyền	16CD-Ô8	08/11/1998
154	16002707	Hứa Thanh Trí	16CD-Ô8	12/03/1996
155	16001252	Huỳnh Thanh Tấn	16CD-Ô8	26/03/1998
156	16002701	Lê Anh Dũng	16CD-Ô8	26/08/1998
157	16002639	Lê Văn Duy	16CD-Ô8	13/05/1998
158	16002669	Lương Thanh Diêm	16CD-Ô8	28/07/1998
159	16002817	Ngô Hiệp Phát	16CD-Ô8	16/04/1998
160	16002843	Ngô Quế Thanh	16CD-Ô8	03/03/1998
161	16002720	Nguyễn Văn Tân	16CD-Ô8	30/01/1998
162	16002804	Nguyễn Xuân Tùng	16CD-Ô8	19/04/1996
163	16002655	Phạm Đức Hải	16CD-Ô8	25/09/1998
164	16002625	Phạm Hữu Phú	16CD-Ô8	13/01/1989
165	16002820	Phan Quốc Hưng	16CD-Ô8	22/08/1998
166	16002693	Thái Quang Thiện	16CD-Ô8	02/05/1998
167	16002622	Trần Bá Hoàn	16CD-Ô8	13/11/1998
168	16002575	Trần Ngọc Duy	16CD-Ô8	02/07/1996
169	16002728	Trần Tuấn Huy	16CD-Ô8	03/03/1998
170	16002751	Trương Thế Hậu	16CD-Ô8	05/02/1998
171	16003076	Đinh Tiến Đạt	16CD-Ô9	18/07/1998
172	16003078	Đồng Minh Hoàng	16CD-Ô9	28/06/1998
173	16003055	Nguyễn Danh Tuấn	16CD-Ô9	27/06/1996
174	16002872	Nguyễn Hoài Phong	16CD-Ô9	13/05/1998
175	16003151	Nguyễn Quốc Hoàng	16CD-Ô9	11/04/1998
176	16002937	Trần Tiến Điền	16CD-Ô9	25/08/1996
177	16000367	Ngô Minh Hiếu	16TCN-Ô1	18/08/2001
178	16000032	Nguyễn Huỳnh Trọng Hiếu	16TCN-Ô1	14/03/2001
179	16000188	Trần Minh Sơn	16TCN-Ô1	06/08/2001
180	16000451	Ngô Phi Anh Tuấn	16TCN-Ô2	27/03/2001
181	16000206	Nguyễn Thanh Tùng	16TCN-Ô2	26/08/2001
182	16000276	Bùi Phan Đăng Khoa	16TC-Ô1	17/07/2001
183	16001770	Đàm Gia Tường	16TC-Ô1	13/01/2001
184	16002184	Dương Trung Khang	16TC-Ô1	09/01/2001
185	16001992	Huỳnh Phan Thanh Khiết	16TC-Ô1	04/11/1999
186	16003524	Huỳnh Thanh Nhân	16TC-Ô1	22/11/1991
187	16000314	Huỳnh Thanh Trọng	16TC-Ô1	26/12/1999
188	16002989	Lê Đức Toàn	16TC-Ô1	17/07/2000
189	16000603	Lý Vũ Hoàng Thông	16TC-Ô1	08/09/2000
190	16000049	Ngô Trần Khôi Nguyên	16TC-Ô1	28/01/2001

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
191	16000673	Nguyễn Hoàng Phúc	16TC-Ô1	18/10/2000
192	16002110	Nguyễn Lê Quỳnh Khôi	16TC-Ô1	11/05/2001
193	16003015	Nguyễn Ngọc Đông	16TC-Ô1	14/11/1998
194	16000413	Nguyễn Nhật Nam	16TC-Ô1	29/11/2001
195	16000290	Nguyễn Thành Nhân	16TC-Ô1	23/02/2001
196	16001231	Nguyễn Thanh Thành	16TC-Ô1	15/10/1990
197	16003482	Nguyễn Văn Toàn	16TC-Ô1	06/08/1999
198	16000237	Phan Tấn Mẫn	16TC-Ô1	29/07/2000
199	16000553	Trần Anh Dũng	16TC-Ô1	05/06/2001
200	16003059	Trương Công Thành	16TC-Ô1	20/03/1998
201	16000488	Võ Thái Quốc	16TC-Ô1	30/01/2001
202	16003293	Hà Tiến Đạt	16TCT-Ô1	06/10/1997
203	16003028	Lê Nhật Tín	16TCT-Ô1	07/08/1997
204	16001847	Nguyễn Đăng Khánh	16TCT-Ô1	03/11/1997
205	16000642	Nguyễn Đức Lộc	16TCT-Ô1	19/01/1998
206	16000677	Nguyễn Hoàng	16TCT-Ô1	01/06/1998
207	16000682	Nguyễn Tấn Lộc	16TCT-Ô1	08/10/1997
208	16001243	Nguyễn Thanh Tuấn	16TCT-Ô1	10/09/1997
209	16003634	Tô Thành Đạt	16TCT-Ô1	11/08/1998
210	16003540	Phan Văn Công	16TCT-Ô2	23/03/1997
211	16002917	Tạ Minh Tuấn	16TCT-Ô2	11/07/1998
212	16001187	Vương Thành Danh	16TN-Ô	20/06/1997
Tổng cộng: 212 HS - SV				

Ngày 01 tháng 12 năm 2017

NGƯỜI LẬP BẢNG

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thảo Vân



Nguyễn Kính



Phạm Hữu Lộc

**DANH SÁCH HS - SV KHÓA 2015 VÀ KHÓA 2016 CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2017 - 2018 ĐẾN NGÀY 30/11/2017**

(KHOA CÔNG NGHỆ ĐIỆN - ĐIỆN TỬ)

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
1	15001512	Nguyễn Minh Đạt	15CD-ĐCN1	10/12/1997
2	15002973	Hoàng Phan Thanh Tiến	15CD-ĐCN2	10/05/1997
3	15002930	Huỳnh Đức Hiếu	15CD-ĐCN2	02/09/1997
4	15000847	Huỳnh Minh Bảo	15CD-ĐCN2	02/09/1995
5	15002881	Kim Ngọc Xi Đene	15CD-ĐCN2	09/02/1996
6	15000989	Nguyễn Hoàng Nam	15CD-ĐCN2	20/09/1997
7	15000838	Nguyễn Phước Lộc	15CD-ĐCN2	03/02/1995
8	15000918	Nguyễn Quốc Việt	15CD-ĐCN2	10/07/1997
9	15000980	Phạm Hữu Trung	15CD-ĐCN2	18/12/1996
10	15002823	Võ Lý Khánh Long	15CD-ĐCN2	07/04/1997
11	15003087	Đặng Nhật Nam	15CD-ĐCN3	21/10/1997
12	15001273	Lê Tấn Phú	15CD-ĐCN3	12/03/1997
13	15002103	Nguyễn Đức Huy	15CD-ĐCN3	10/12/1996
14	15002010	Nguyễn Hữu Tài	15CD-ĐCN3	28/01/1997
15	15003111	Nguyễn Quang Trường	15CD-ĐCN3	23/07/1997
16	15001229	Nguyễn Quốc Thiện	15CD-ĐCN3	06/04/1997
17	15001813	Nguyễn Thế Anh	15CD-ĐCN3	10/11/1996
18	15002064	Nguyễn Văn Dao	15CD-ĐCN3	08/08/1997
19	15001704	Nguyễn Vinh	15CD-ĐCN3	01/04/1997
20	15002046	Phạm Minh Luân	15CD-ĐCN3	17/11/1996
21	15002308	Chiêm Ân Hiền	15CD-ĐCN4	01/08/1997
22	15002786	Đặng Trung Tín	15CD-ĐCN4	10/10/1997
23	15002774	Huỳnh Ngọc Nhân	15CD-ĐCN4	24/04/1997
24	15002757	Huỳnh Thanh Hậu	15CD-ĐCN4	18/09/1997
25	15002608	Mai Trọng Quý	15CD-ĐCN4	27/11/1997
26	15002671	Ngô Văn Bình	15CD-ĐCN4	06/03/1997
27	15002727	Nguyễn Trần Thanh Nhân	15CD-ĐCN4	01/01/1997
28	15002762	Nguyễn Văn Long	15CD-ĐCN4	15/04/1996
29	15002686	Trần Quốc Hoàng	15CD-ĐCN4	29/10/1997
30	15002717	Trương Doãn Lương	15CD-ĐCN4	20/02/1997
31	15002539	Võ Thành Nhân	15CD-ĐCN4	20/07/1997
32	15002342	Võ Trường Danh	15CD-ĐCN4	06/05/1992
33	15000499	Đặng Văn Tường	15CD-ĐTCN1	20/01/1996
34	15001412	Dương Khánh Duy	15CD-ĐTCN1	28/06/1996
35	15001760	Nguyễn Hoài Xuân	15CD-ĐTCN1	14/01/1992
36	15002397	Phan Quốc Cường	15CD-ĐTCN1	16/07/1997
37	15002958	Vũ Nhật Nam	15CD-ĐTCN1	17/01/1997

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
38	15002405	Cao Viết Thắng	15CĐ-TĐH1	30/10/1997
39	15002945	Châu Lê Nhật Trường	15CĐ-TĐH1	18/6/1997
40	15002579	Huỳnh Đăng Khoa	15CĐ-TĐH1	18/11/1996
41	15003112	Huỳnh Nhật Tiến	15CĐ-TĐH1	26/02/1997
42	15002384	Lê Đăng Tiến	15CĐ-TĐH1	17/07/1997
43	15002288	Mai Hoàng Xuân Lâm	15CĐ-TĐH1	11/02/1996
44	15003125	Nguyễn Phú Quý	15CĐ-TĐH1	08/11/1997
45	15001733	Phạm Văn Cương	15CĐ-TĐH1	02/02/1996
46	15003016	Phan Huy Hoàng	15CĐ-TĐH1	28/05/1994
47	15003015	Trần Văn Đạt	15CĐ-TĐH1	10/06/1997
48	15002759	Võ Xuân Tha	15CĐ-TĐH1	06/07/1993
49	15002628	Vũ Hữu Sơn	15CĐ-TĐH1	13/04/1997
50	15000386	Nguyễn Hùng Dũng	15TC-Đ	06/05/2000
51	15000273	Trương Quang Huy	15TC-Đ	11/06/2000
52	15000061	Vũ Quý Bảo	15TCN-Đ	16/12/1999
53	16001071	Lê Văn Tuấn	16CĐ-ĐCN1	10/03/1997
54	16002636	Nguyễn Văn Tuấn	16CĐ-ĐCN1	22/05/1998
55	16002419	Nguyễn Văn Vũ	16CĐ-ĐCN1	10/11/1998
56	16002549	Phương Thế Anh	16CĐ-ĐCN1	07/07/1998
57	16002750	Nguyễn Tấn Tuấn Vũ	16CĐ-ĐCN2	16/12/1997
58	16002830	Phạm Trí Nhân	16CĐ-ĐCN2	19/05/1998
59	16002823	Trần Nguyễn Thành Đạt	16CĐ-ĐCN2	23/09/1998
60	16002752	Trần Phú Nam	16CĐ-ĐCN2	16/08/1998
61	16003062	Trần Quốc Thái	16CĐ-ĐCN2	12/11/1997
62	16002016	Trần Văn Trọng	16CĐ-ĐCN2	09/09/1998
63	16002703	Võ Tấn Huy	16CĐ-ĐCN2	10/10/1997
64	16001776	Vũ Thắng	16CĐ-ĐCN2	28/10/1997
65	16002624	Đào Văn Bắc	16CĐ-ĐCN3	05/09/1995
66	16002606	Lê Duy Khánh	16CĐ-ĐCN3	13/09/1997
67	16003374	Nguyễn Doãn Khương	16CĐ-ĐCN3	08/11/1997
68	16003763	Nguyễn Phúc Hậu	16CĐ-ĐCN3	11/06/1998
69	16003571	Nguyễn Thái Duy	16CĐ-ĐCN3	05/02/1998
70	16003460	Nguyễn Thanh Tâm	16CĐ-ĐCN3	01/05/1997
71	16003704	Nguyễn Văn Thuận	16CĐ-ĐCN3	25/02/1997
72	16002673	Phạm Hoàng Tuấn	16CĐ-ĐCN3	18/11/1996
73	16003736	Trần Thanh Hà	16CĐ-ĐCN3	20/03/1993
74	16003312	Trịnh Hồng Ân	16CĐ-ĐCN3	02/09/1996
75	16003484	Vòng Nguyệt Minh	16CĐ-ĐCN3	25/10/1995
76	16002932	Hồ Tấn Phát	16CĐ-ĐCN4	06/11/1998
77	16002850	Huỳnh Minh Thuận	16CĐ-ĐCN4	26/11/1998
78	16002740	Liêu Anh Tiến	16CĐ-ĐCN4	25/12/1998
79	16001304	Mai Văn Cường	16CĐ-ĐCN4	28/10/1998
80	16002709	Nguyễn Hoàng Minh Tân	16CĐ-ĐCN4	22/11/1993

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
81	16001565	Nguyễn Kim Nguyên	16CĐ-ĐCN4	08/04/1998
82	16002832	Phạm Quang Phương	16CĐ-ĐCN4	01/01/1994
83	16003756	Tô Phương Trung	16CĐ-ĐCN4	14/02/1998
84	16002122	Lăng Hoàng Thiện	16CĐ-ĐCN5	08/07/1998
85	16002377	Lê Quang Tuấn	16CĐ-ĐCN5	16/01/1997
86	16002244	Nguyễn Trần Vĩnh Phước	16CĐ-ĐCN5	21/08/1996
87	16003588	Đặng Hoàng Vũ	16CĐ-ĐTCN1	30/06/1997
88	16003397	Đặng Ngọc Nhựt	16CĐ-ĐTCN1	17/12/1997
89	16003753	Huỳnh Trọng Tuệ	16CĐ-ĐTCN1	23/01/1997
90	16002674	Ngô Hữu Tuấn	16CĐ-ĐTCN1	27/12/1998
91	16002829	Nguyễn Công Thành	16CĐ-ĐTCN1	27/05/1998
92	16003444	Nguyễn Quang Thuận	16CĐ-ĐTCN1	29/04/1998
93	16002560	Trần Minh Phúc	16CĐ-ĐTCN1	31/01/1998
94	16003102	Võ Đại Thành	16CĐ-ĐTCN1	01/08/1998
95	16003925	Đặng Trọng Nghĩa	16CĐ-LTĐ	06/11/1996
96	16003913	Lê Lợi	16CĐ-LTĐ	25/9/1994
97	16003960	Phạm Văn Duy	16CĐ-LTĐ	25/4/1992
98	16001917	Huỳnh Kim Sang	16CĐ-TĐH1	09/04/1998
99	16003285	Nguyễn Duy Hưng	16CĐ-TĐH1	17/09/1998
100	16001902	Nguyễn Ngọc Thịnh	16CĐ-TĐH1	10/12/1998
101	16003790	Nguyễn Thành Tín	16CĐ-TĐH1	12/03/1998
102	16003276	Phan Ngọc Nguyên	16CĐ-TĐH1	13/04/1998
103	16001846	Tô Gia Bảo	16CĐ-TĐH1	13/03/1998
104	16001530	Trần Đông Phong	16CĐ-TĐH1	16/07/1998
105	16000255	Đinh Hoàng Phúc	16TCN-Đ	30/07/2001
106	16000643	Lâm Phát Tài	16TCN-Đ	19/05/2000
107	16002209	Lê Nguyễn Đông Vũ	16TCN-Đ	08/11/1997
108	16000256	Nguyễn Văn Tài Linh	16TCN-Đ	24/07/2000
109	15000394	Trần Như Hào	16TCN-Đ	29/01/2000
110	16000080	Bùi Quang Cường	16TCN-ĐT	07/09/2001
111	16000435	Đinh Minh Thuận	16TCN-ĐT	28/08/2001
112	16000653	Hồ Minh Phong	16TCN-ĐT	28/07/2000
113	16000646	Hoàng Quang Việt	16TCN-ĐT	22/07/2001
114	16000492	Hoàng Vũ Nhật Tân	16TCN-ĐT	08/02/2001
115	16000561	Huỳnh Văn Tuấn Kiệt	16TCN-ĐT	01/04/2001
116	16000481	Huỳnh Vũ Đăng Thiên	16TCN-ĐT	24/06/2000
117	16000580	Lê Hoàn Huy	16TCN-ĐT	31/10/1999
118	16000348	Mai Hoàng Anh	16TCN-ĐT	02/12/2001
119	16000167	Nguyễn Công Danh	16TCN-ĐT	05/10/2000
120	16000148	Nguyễn Gia Thái	16TCN-ĐT	08/02/2001
121	16000709	Nguyễn Minh Thành	16TCN-ĐT	05/10/2001
122	16003858	Nguyễn Xuân Tài	16TCN-ĐT	23/08/2000
123	16000134	Phan Khánh Khải	16TCN-ĐT	09/05/2001

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
124	16001118	Trần Minh Hải	16TCN-ĐT	27/10/2001
125	16000618	Trần Vi Khang	16TCN-ĐT	20/03/2001
126	16000135	Võ Thành Đạt	16TCN-ĐT	23/10/2001
127	16003252	Đỗ Văn Hà	16TCT-Đ	21/04/1996
128	16001877	Nguyễn Hoàng Hải	16TCT-Đ	28/10/1998
129	16001799	Nguyễn Ngọc Thành	16TCT-Đ	18/11/1998
130	16002984	Nguyễn Thanh Tâm	16TCT-Đ	21/09/1998
131	16002108	Trần Đoàn Quang Huy	16TCT-Đ	01/01/1997
132	16003184	Trần Nhật Duy	16TCT-Đ	16/12/1998
133	16003453	Vi Đình Khải	16TCT-Đ	23/03/1997
Tổng cộng: 133 HS - SV				

Ngày 04 tháng 12 năm 2017

NGƯỜI LẬP BẢNG

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thảo Vân



Nguyễn Kính



Phạm Hữu Lộc

**DANH SÁCH HS - SV KHÓA 2015 VÀ KHÓA 2016 CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2017 - 2018 ĐẾN NGÀY 30/11/2017**

(KHOA KINH TẾ)

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
1	15003026	Đặng Ngọc Quỳnh Nhi	15CDN-QTD	14/06/1997
2	15002661	Đường Nguyễn Bảo Trân	15CDN-QTD	01/02/1997
3	16001601	Âu Thiên Quang	16CDN-QTD	03/06/1998
4	16003648	Đặng Thị Kim Ngọc	16CDN-QTD	01/12/1998
5	16001889	Lâm Bửu Linh	16CDN-QTD	02/10/1998
6	16000572	Phạm Thái Hòa	16CDN-QTD	04/12/1997
7	16000177	Bùi Quang Trường	16TCN-KTD	20/01/2001
8	16000448	Lê Ngọc Quang Lộc	16TCN-KTD	31/03/2001
9	16000465	Nguyễn Cao Điền	16TCN-KTD	07/10/2001
10	16000403	Nguyễn Phú Tuyển	16TCN-KTD	13/06/2000
11	16000077	Nguyễn Thị Tuyết Lan	16TCN-KTD	25/09/2000
12	16000587	Phạm Thái My	16TCN-KTD	21/09/2001
13	16000569	Võ Công Chí	16TCN-KTD	19/05/2000
14	16000192	Chu Thùy Dương	16TCN-QTD	08/05/2001
15	16000607	Nguyễn Bá Toàn	16TCN-QTD	30/11/2001
16	16001711	Nguyễn Hoàng Duy	16TCN-QTD	06/11/1998
17	16000010	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	16TCN-QTD	07/03/2001
18	16000114	Nguyễn Tiến Duy Tân	16TCN-QTD	23/04/2001
19	16003530	Phan Đức Thông	16TCN-QTD	24/07/2000
20	16003681	Phan Nguyễn Quỳnh Như	16TCN-QTD	21/09/2001
Tổng cộng: 20 HS - SV				

NGƯỜI LẬP BẢNG

Trần Thị Thảo Vân

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

Nguyễn Kính

Ngày 01 tháng 12 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

**DANH SÁCH HS - SV KHÓA 2015 VÀ KHÓA 2016 CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2017 - 2018 ĐẾN NGÀY 30/11/2017**

(KHOA CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ)

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
1	15002895	Hoàng Minh Tâm	15CĐ-CD1	01/10/1997
2	15002921	Nguyễn Đình Tứ	15CĐ-CD1	16/06/1997
3	15001188	Nguyễn Tấn Thiên	15CĐ-CD1	03/06/1997
4	15001119	Nguyễn Vũ Xuân Hậu	15CĐ-CD1	17/06/1991
5	15000676	Trương Ngọc Sơn	15CĐ-CD1	02/06/1996
6	15002977	Dương Văn Đình	15CĐ-CDT1	22/10/1997
7	15003170	Phan Trọng Bằng	15CĐ-CDT1	28/09/1997
8	15001460	Hoàng Xuân Thanh	15CĐ-CTM1	01/08/1996
9	15001525	Lâm Quốc Thiệp	15CĐ-CTM1	02/02/1997
10	15001368	Lê Minh Thuận	15CĐ-CTM1	03/05/1997
11	15001366	Lê Tấn Dũng	15CĐ-CTM1	16/11/1997
12	15001663	Nguyễn Long Thanh Vũ	15CĐ-CTM1	06/02/1997
13	15001367	Phạm Ánh Lâm	15CĐ-CTM1	29/01/1996
14	15001304	Trần Khang Vinh	15CĐ-CTM1	01/10/1996
15	15001604	Võ Đức Thắng	15CĐ-CTM1	20/11/1997
16	15001130	Võ Tuấn Linh	15CĐ-CTM1	19/07/1997
17	15002128	Cao Văn Sinh	15CĐ-CTM2	05/09/1997
18	15002153	Đinh Trường Thi	15CĐ-CTM2	28/11/1997
19	15002028	Dương Minh Tâm	15CĐ-CTM2	31/05/1996
20	15002013	Dương Phong Phú	15CĐ-CTM2	24/07/1996
21	15002100	Huỳnh Quang Như	15CĐ-CTM2	08/10/1997
22	15002186	Lê Thanh Thảo	15CĐ-CTM2	16/09/1997
23	15002140	Ngô Văn Sửu	15CĐ-CTM2	06/01/1997
24	15002197	Nguyễn Anh Tuấn	15CĐ-CTM2	19/11/1997
25	15001986	Nguyễn Hào Duy	15CĐ-CTM2	30/12/1997
26	15002096	Nguyễn Hữu Khanh	15CĐ-CTM2	29/09/1997
27	15002196	Nguyễn Hữu Thắng	15CĐ-CTM2	05/08/1997
28	15002210	Nguyễn Quang Ân	15CĐ-CTM2	08/09/1997
29	15000538	Phạm Đình Cường	15CĐ-CTM2	16/03/1997
30	15001900	Trần Văn Hòa	15CĐ-CTM2	16/04/1996
31	15002224	Trịnh Hữu Mến	15CĐ-CTM2	20/8/1997
32	15002188	Trương Văn Phú	15CĐ-CTM2	04/02/1997
33	15002166	Ung Thế Trường	15CĐ-CTM2	23/01/1997
34	15002104	Uông Xuân Hùng	15CĐ-CTM2	21/06/1997
35	15001771	Võ Duy Phú	15CĐ-CTM2	12/09/1997
36	15001911	Võ Văn Nghĩa	15CĐ-CTM2	14/10/1997
37	15003103	Âu Ngọc Thanh	15CĐ-CTM3	06/01/1997

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
38	15002295	Bạch Anh Tâm	15CĐ-CTM3	25/07/1996
39	15002256	Đỗ Quang Vương	15CĐ-CTM3	04/03/1997
40	15003225	Đỗ Văn Hậu	15CĐ-CTM3	14/02/1997
41	15002368	Nguyễn Hữu Đức	15CĐ-CTM3	21/05/1997
42	15002376	Nguyễn Thành Nhân	15CĐ-CTM3	25/02/1997
43	15003146	Nguyễn Tông Quốc	15CĐ-CTM3	15/06/1997
44	15002442	Nguyễn Văn Trường	15CĐ-CTM3	22/02/1997
45	15002242	Phạm Quốc Duy	15CĐ-CTM3	05/02/1997
46	15002272	Văn Ngọc Khang	15CĐ-CTM3	23/01/1997
47	15002404	Vũ Tuấn Anh	15CĐ-CTM3	21/01/1997
48	15002583	Cần Trọng Nghĩa	15CĐ-CTM4	07/04/1997
49	15002729	Cao Quốc Cường	15CĐ-CTM4	02/12/1997
50	15002631	Châu Duệ Minh	15CĐ-CTM4	15/03/1997
51	15002634	Châu Nhật Phát	15CĐ-CTM4	15/04/1997
52	15002711	Lê Phước Đông	15CĐ-CTM4	08/08/1997
53	15002694	Lưu Quốc Đạt	15CĐ-CTM4	9/10/1997
54	15002473	Nguyễn Công Minh	15CĐ-CTM4	05/11/1996
55	15002572	Nguyễn Thanh Hùng	15CĐ-CTM4	02/12/1997
56	15002623	Nguyễn Tiến Mạnh	15CĐ-CTM4	17/09/1996
57	15002613	Phạm Sơn Lâm	15CĐ-CTM4	13/10/1996
58	15002649	Trần Quang Trung	15CĐ-CTM4	19/01/1997
59	15002984	Đặng Văn Tiến	15CĐ-CTM5	20/08/1997
60	15003160	Nguyễn Thế Hoàng	15CĐ-CTM5	09/10/1997
61	15002950	Phạm Bá Trung	15CĐ-CTM5	21/08/1997
62	15002896	Trần Nhật Duy	15CĐ-CTM5	27/02/1996
63	15003129	Võ Thành Trí	15CĐ-CTM5	11/12/1997
64	15003407	Kiều Công Danh	15TCN-CKL	24/03/1998
65	15003478	Võ Duy Luân	15TCN-CKL	10/01/2000
66	16000180	Lê Tấn Đạt	16CĐ-CĐ1	17/05/1994
67	16001759	Lê Văn Trường	16CĐ-CĐ1	26/02/1998
68	16003724	Nguyễn Công Luân	16CĐ-CĐ1	14/11/1996
69	16003209	Nguyễn Đức Chi	16CĐ-CĐ1	28/01/1995
70	16000932	Trương Phúc Hậu	16CĐ-CĐ1	04/07/1998
71	16003164	Đàm Mạnh Duy	16CĐ-CĐT1	15/01/1996
72	16003470	Lê Văn Thảo	16CĐ-CĐT1	09/05/1998
73	16003169	Ngô Hoài Thương	16CĐ-CĐT1	29/05/1996
74	16003044	Nguyễn Minh Thái	16CĐ-CĐT1	21/10/1998
75	16003610	Nguyễn Tấn Lộc	16CĐ-CĐT1	04/11/1997
76	16003333	Nguyễn Văn Đầu	16CĐ-CĐT1	10/01/1997
77	16001210	Nguyễn Hữu Thi	16CĐ-CNC1	22/11/1998
78	16001080	Trần Xuân Phúc	16CĐ-CNC1	04/01/1996
79	16002314	Cao Hữu Minh	16CĐ-CTM1	24/08/1997

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
80	16000908	Cao Tiến Đạt	16CĐ-CTM1	16/06/1998
81	16000882	Huỳnh Hoàng Nam	16CĐ-CTM1	31/03/1998
82	16002580	Lê Thành Đạt	16CĐ-CTM1	15/10/1997
83	16002418	Lương Kiến Quốc	16CĐ-CTM1	30/07/1998
84	16000843	Ngô Đức Anh Tuấn	16CĐ-CTM1	16/02/1998
85	16000775	Nguyễn Chung Chí	16CĐ-CTM1	11/05/1998
86	16000662	Nguyễn Hữu Trung	16CĐ-CTM1	07/04/1997
87	16000802	Nguyễn Thanh Nhân	16CĐ-CTM1	02/05/1998
88	16000986	Nguyễn Thế Văn	16CĐ-CTM1	18/12/1998
89	16000405	Nguyễn Văn Lập	16CĐ-CTM1	04/10/1995
90	16002302	Nguyễn Văn Thuận	16CĐ-CTM1	07/11/1997
91	16002526	Phạm Cung Diễn	16CĐ-CTM1	03/09/1998
92	16001002	Phạm Trung Kiên	16CĐ-CTM1	01/10/1998
93	16003297	Phan Văn Ngân Giang	16CĐ-CTM1	28/03/1997
94	16002215	Trần Vinh Quang	16CĐ-CTM1	30/10/1998
95	16000664	Trương Văn Hiền	16CĐ-CTM1	10/08/1998
96	16002505	Võ Đại Hoàng	16CĐ-CTM1	21/04/1998
97	16000759	Vũ Ngọc Dân	16CĐ-CTM1	08/05/1998
98	16002798	Dương Minh Ngọc	16CĐ-CTM2	14/08/1998
99	16002725	Hoàng Đức Long	16CĐ-CTM2	10/12/1998
100	16002755	Hoàng Quốc Khánh	16CĐ-CTM2	21/09/1998
101	16002619	Hoàng Văn Hùng	16CĐ-CTM2	14/12/1998
102	16002315	Huỳnh Minh Vương	16CĐ-CTM2	09/02/1998
103	16002879	Lê Đại Quang	16CĐ-CTM2	29/10/1997
104	16002819	Lê Văn Dân	16CĐ-CTM2	10/06/1997
105	16002800	Lưu Đức Hào	16CĐ-CTM2	22/12/1998
106	16002754	Lưu Trọng Nghĩa	16CĐ-CTM2	31/12/1998
107	16002519	Nguyễn Anh Vũ	16CĐ-CTM2	20/07/1996
108	16002848	Nguyễn Đình Thuận	16CĐ-CTM2	06/05/1998
109	16002791	Nguyễn Tuấn Kiệt	16CĐ-CTM2	23/12/1998
110	16003077	Nguyễn Văn Hậu	16CĐ-CTM2	22/10/1997
111	16002799	Phạm Văn Doanh	16CĐ-CTM2	14/01/1998
112	16002810	Phạm Viết Thành Đạt	16CĐ-CTM2	13/12/1998
113	16001707	Trần Cao Sơn	16CĐ-CTM2	09/09/1998
114	16002858	Trần Quang Phụng	16CĐ-CTM2	14/01/1998
115	16003280	Bình Minh Nhân	16CĐ-CTM3	27/06/1998
116	16001219	Đặng Trần Hồng Nhựt	16CĐ-CTM3	18/04/1997
117	16003401	Đào Hồng Phúc	16CĐ-CTM3	16/09/1998
118	16003307	Đỗ Gia Kiệt	16CĐ-CTM3	09/08/1998
119	16003564	K' Nguyễn Ngọc Trường Sơn	16CĐ-CTM3	09/10/1998
120	16003752	Nguyễn Đặng Ý	16CĐ-CTM3	25/08/1997
121	16002916	Nguyễn Đức Anh Tuấn	16CĐ-CTM3	28/02/1998

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
122	16003115	Nguyễn Văn Kiên	16CĐ-CTM3	18/09/1998
123	16003131	Nguyễn Văn Linh	16CĐ-CTM3	25/04/1998
124	16003671	Nguyễn Văn Lộc	16CĐ-CTM3	28/11/1998
125	16003331	Nguyễn Văn Trọng	16CĐ-CTM3	06/02/1998
126	16003155	Nông Văn Thương	16CĐ-CTM3	13/09/1997
127	16003545	Phạm Hải Triều	16CĐ-CTM3	22/09/1996
128	16003213	Roãn Văn Tuấn	16CĐ-CTM3	26/07/1998
129	16003492	Tai Quang Nhật	16CĐ-CTM3	13/10/1997
130	16003143	Trần Thanh Tùng	16CĐ-CTM3	18/09/1998
131	16003225	Trương Minh Tâm	16CĐ-CTM3	26/09/1998
132	16002935	Vũ Nguyễn Nhật Huy	16CĐ-CTM3	25/02/1998
133	16002248	Bùi Thế Vỹ	16CĐ-CTM4	11/07/1998
134	16002774	Lại Văn Tuấn	16CĐ-CTM4	27/07/1996
135	16002141	Nguyễn Hữu Minh Thành	16CĐ-CTM4	19/09/1997
136	16001838	Nguyễn Long Vũ	16CĐ-CTM4	25/02/1998
137	16003760	Nguyễn Sĩ Văn	16CĐ-CTM4	13/07/1997
138	16001149	Phạm Ngọc Tuy	16CĐ-CTM4	19/02/1996
139	16002183	Vũ Hoàng Linh	16CĐ-CTM4	28/03/1998
140	16001863	A Xuân Dương	16CĐ-CTM5	26/08/1998
141	16001394	Châu Nhật Trường	16CĐ-CTM5	04/09/1993
142	16001312	Lê Trọng Khang	16CĐ-CTM5	02/04/1998
143	16003740	Nguyễn Phạm Nhật Phạm	16CĐ-CTM5	18/05/1998
144	16000439	Bành Phú Tiến	16TCN-CKL	28/12/2001
145	16003092	Nguyễn Quang Tiến	16TCN-CKL	15/03/1998
146	16003208	Phan Hoàng Đại Tiến	16TCN-CKL	22/09/1999

Tổng cộng: 146 HS - SV

Ngày 01 tháng 12 năm 2017

NGƯỜI LẬP BẢNG

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thảo Vân



Nguyễn Kính



Phạm Hữu Lộc

**DANH SÁCH HS - SV KHÓA 2015 VÀ KHÓA 2016 CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2017 - 2018 ĐẾN NGÀY 30/11/2017**

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
1	15002895	Hoàng Minh Tâm	15CĐ-CĐ1	01/10/1997
2	15002921	Nguyễn Đình Tứ	15CĐ-CĐ1	16/06/1997
3	15001188	Nguyễn Tấn Thiên	15CĐ-CĐ1	03/06/1997
4	15001119	Nguyễn Vũ Xuân Hậu	15CĐ-CĐ1	17/06/1991
5	15000676	Trương Ngọc Sơn	15CĐ-CĐ1	02/06/1996
6	15002977	Dương Văn Đình	15CĐ-CĐT1	22/10/1997
7	15003170	Phan Trọng Bằng	15CĐ-CĐT1	28/09/1997
8	15001460	Hoàng Xuân Thanh	15CĐ-CTM1	01/08/1996
9	15001525	Lâm Quốc Thiệp	15CĐ-CTM1	02/02/1997
10	15001368	Lê Minh Thuận	15CĐ-CTM1	03/05/1997
11	15001366	Lê Tấn Dũng	15CĐ-CTM1	16/11/1997
12	15001663	Nguyễn Long Thanh Vũ	15CĐ-CTM1	06/02/1997
13	15001367	Phạm Ánh Lâm	15CĐ-CTM1	29/01/1996
14	15001304	Trần Khang Vinh	15CĐ-CTM1	01/10/1996
15	15001604	Võ Đức Thắng	15CĐ-CTM1	20/11/1997
16	15001130	Võ Tuấn Linh	15CĐ-CTM1	19/07/1997
17	15002128	Cao Văn Sinh	15CĐ-CTM2	05/09/1997
18	15002153	Đinh Trường Thi	15CĐ-CTM2	28/11/1997
19	15002028	Dương Minh Tâm	15CĐ-CTM2	31/05/1996
20	15002013	Dương Phong Phú	15CĐ-CTM2	24/07/1996
21	15002100	Huỳnh Quang Như	15CĐ-CTM2	08/10/1997
22	15002186	Lê Thanh Thảo	15CĐ-CTM2	16/09/1997
23	15002140	Ngô Văn Sừ	15CĐ-CTM2	06/01/1997
24	15002197	Nguyễn Anh Tuấn	15CĐ-CTM2	19/11/1997
25	15001986	Nguyễn Hào Duy	15CĐ-CTM2	30/12/1997
26	15002096	Nguyễn Hữu Khanh	15CĐ-CTM2	29/09/1997
27	15002196	Nguyễn Hữu Thắng	15CĐ-CTM2	05/08/1997
28	15002210	Nguyễn Quang Ân	15CĐ-CTM2	08/09/1997
29	15000538	Phạm Đình Cường	15CĐ-CTM2	16/03/1997
30	15001900	Trần Văn Hòa	15CĐ-CTM2	16/04/1996
31	15002224	Trịnh Hữu Mến	15CĐ-CTM2	20/8/1997
32	15002188	Trương Văn Phú	15CĐ-CTM2	04/02/1997
33	15002166	Ung Thế Trường	15CĐ-CTM2	23/01/1997
34	15002104	Uông Xuân Hùng	15CĐ-CTM2	21/06/1997
35	15001771	Võ Duy Phú	15CĐ-CTM2	12/09/1997
36	15001911	Võ Văn Nghĩa	15CĐ-CTM2	14/10/1997
37	15003103	Âu Ngọc Thanh	15CĐ-CTM3	06/01/1997

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
38	15002295	Bạch Anh Tâm	15CĐ-CTM3	25/07/1996
39	15002256	Đỗ Quang Vương	15CĐ-CTM3	04/03/1997
40	15003225	Đỗ Văn Hậu	15CĐ-CTM3	14/02/1997
41	15002368	Nguyễn Hữu Đức	15CĐ-CTM3	21/05/1997
42	15002376	Nguyễn Thành Nhân	15CĐ-CTM3	25/02/1997
43	15003146	Nguyễn Tông Quốc	15CĐ-CTM3	15/06/1997
44	15002442	Nguyễn Văn Trường	15CĐ-CTM3	22/02/1997
45	15002242	Phạm Quốc Duy	15CĐ-CTM3	05/02/1997
46	15002272	Văn Ngọc Khang	15CĐ-CTM3	23/01/1997
47	15002404	Vũ Tuấn Anh	15CĐ-CTM3	21/01/1997
48	15002583	Cần Trọng Nghĩa	15CĐ-CTM4	07/04/1997
49	15002729	Cao Quốc Cường	15CĐ-CTM4	02/12/1997
50	15002631	Châu Duệ Minh	15CĐ-CTM4	15/03/1997
51	15002634	Châu Nhật Phát	15CĐ-CTM4	15/04/1997
52	15002711	Lê Phước Đông	15CĐ-CTM4	08/08/1997
53	15002694	Lưu Quốc Đạt	15CĐ-CTM4	9/10/1997
54	15002473	Nguyễn Công Minh	15CĐ-CTM4	05/11/1996
55	15002572	Nguyễn Thanh Hùng	15CĐ-CTM4	02/12/1997
56	15002623	Nguyễn Tiến Mạnh	15CĐ-CTM4	17/09/1996
57	15002613	Phạm Sơn Lâm	15CĐ-CTM4	13/10/1996
58	15002649	Trần Quang Trung	15CĐ-CTM4	19/01/1997
59	15002984	Đặng Văn Tiến	15CĐ-CTM5	20/08/1997
60	15003160	Nguyễn Thế Hoàng	15CĐ-CTM5	09/10/1997
61	15002950	Phạm Bá Trung	15CĐ-CTM5	21/08/1997
62	15002896	Trần Nhật Duy	15CĐ-CTM5	27/02/1996
63	15003129	Võ Thành Trí	15CĐ-CTM5	11/12/1997
64	15003407	Kiều Công Danh	15TCN-CKL	24/03/1998
65	15003478	Võ Duy Luân	15TCN-CKL	10/01/2000
66	16000180	Lê Tấn Đạt	16CĐ-CĐ1	17/05/1994
67	16001759	Lê Văn Trường	16CĐ-CĐ1	26/02/1998
68	16003724	Nguyễn Công Luân	16CĐ-CĐ1	14/11/1996
69	16003209	Nguyễn Đức Chi	16CĐ-CĐ1	28/01/1995
70	16000932	Trương Phúc Hậu	16CĐ-CĐ1	04/07/1998
71	16003164	Đàm Mạnh Duy	16CĐ-CĐT1	15/01/1996
72	16003470	Lê Văn Thảo	16CĐ-CĐT1	09/05/1998
73	16003169	Ngô Hoài Thương	16CĐ-CĐT1	29/05/1996
74	16003044	Nguyễn Minh Thái	16CĐ-CĐT1	21/10/1998
75	16003610	Nguyễn Tấn Lộc	16CĐ-CĐT1	04/11/1997
76	16003333	Nguyễn Văn Đầu	16CĐ-CĐT1	10/01/1997
77	16001210	Nguyễn Hữu Thi	16CĐ-CNC1	22/11/1998
78	16001080	Trần Xuân Phúc	16CĐ-CNC1	04/01/1996
79	16002314	Cao Hữu Minh	16CĐ-CTM1	24/08/1997
80	16000908	Cao Tiến Đạt	16CĐ-CTM1	16/06/1998

**DANH SÁCH HS - SV KHÓA 2015 VÀ KHÓA 2016 CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2017 - 2018 ĐẾN NGÀY 30/11/2017**

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
1	15002895	Hoàng Minh Tâm	15CĐ-CĐ1	01/10/1997
2	15002921	Nguyễn Đình Tứ	15CĐ-CĐ1	16/06/1997
3	15001188	Nguyễn Tấn Thiên	15CĐ-CĐ1	03/06/1997
4	15001119	Nguyễn Vũ Xuân Hậu	15CĐ-CĐ1	17/06/1991
5	15000676	Trương Ngọc Sơn	15CĐ-CĐ1	02/06/1996
6	15002977	Dương Văn Đình	15CĐ-CĐT1	22/10/1997
7	15003170	Phan Trọng Bằng	15CĐ-CĐT1	28/09/1997
8	15001460	Hoàng Xuân Thanh	15CĐ-CTM1	01/08/1996
9	15001525	Lâm Quốc Thiệp	15CĐ-CTM1	02/02/1997
10	15001368	Lê Minh Thuận	15CĐ-CTM1	03/05/1997
11	15001366	Lê Tấn Dũng	15CĐ-CTM1	16/11/1997
12	15001663	Nguyễn Long Thanh Vũ	15CĐ-CTM1	06/02/1997
13	15001367	Phạm Ánh Lâm	15CĐ-CTM1	29/01/1996
14	15001304	Trần Khang Vinh	15CĐ-CTM1	01/10/1996
15	15001604	Võ Đức Thắng	15CĐ-CTM1	20/11/1997
16	15001130	Võ Tuấn Linh	15CĐ-CTM1	19/07/1997
17	15002128	Cao Văn Sinh	15CĐ-CTM2	05/09/1997
18	15002153	Đinh Trường Thi	15CĐ-CTM2	28/11/1997
19	15002028	Dương Minh Tâm	15CĐ-CTM2	31/05/1996
20	15002013	Dương Phong Phú	15CĐ-CTM2	24/07/1996
21	15002100	Huỳnh Quang Như	15CĐ-CTM2	08/10/1997
22	15002186	Lê Thanh Thảo	15CĐ-CTM2	16/09/1997
23	15002140	Ngô Văn Sừ	15CĐ-CTM2	06/01/1997
24	15002197	Nguyễn Anh Tuấn	15CĐ-CTM2	19/11/1997
25	15001986	Nguyễn Hào Duy	15CĐ-CTM2	30/12/1997
26	15002096	Nguyễn Hữu Khanh	15CĐ-CTM2	29/09/1997
27	15002196	Nguyễn Hữu Thắng	15CĐ-CTM2	05/08/1997
28	15002210	Nguyễn Quang Ân	15CĐ-CTM2	08/09/1997
29	15000538	Phạm Đình Cường	15CĐ-CTM2	16/03/1997
30	15001900	Trần Văn Hòa	15CĐ-CTM2	16/04/1996
31	15002224	Trịnh Hữu Mến	15CĐ-CTM2	20/8/1997
32	15002188	Trương Văn Phú	15CĐ-CTM2	04/02/1997
33	15002166	Ung Thế Trường	15CĐ-CTM2	23/01/1997
34	15002104	Uông Xuân Hùng	15CĐ-CTM2	21/06/1997
35	15001771	Võ Duy Phú	15CĐ-CTM2	12/09/1997
36	15001911	Võ Văn Nghĩa	15CĐ-CTM2	14/10/1997
37	15003103	Âu Ngọc Thanh	15CĐ-CTM3	06/01/1997

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
38	15002295	Bạch Anh Tâm	15CĐ-CTM3	25/07/1996
39	15002256	Đỗ Quang Vương	15CĐ-CTM3	04/03/1997
40	15003225	Đỗ Văn Hậu	15CĐ-CTM3	14/02/1997
41	15002368	Nguyễn Hữu Đức	15CĐ-CTM3	21/05/1997
42	15002376	Nguyễn Thành Nhân	15CĐ-CTM3	25/02/1997
43	15003146	Nguyễn Tông Quốc	15CĐ-CTM3	15/06/1997
44	15002442	Nguyễn Văn Trường	15CĐ-CTM3	22/02/1997
45	15002242	Phạm Quốc Duy	15CĐ-CTM3	05/02/1997
46	15002272	Văn Ngọc Khang	15CĐ-CTM3	23/01/1997
47	15002404	Vũ Tuấn Anh	15CĐ-CTM3	21/01/1997
48	15002583	Cần Trọng Nghĩa	15CĐ-CTM4	07/04/1997
49	15002729	Cao Quốc Cường	15CĐ-CTM4	02/12/1997
50	15002631	Châu Duệ Minh	15CĐ-CTM4	15/03/1997
51	15002634	Châu Nhật Phát	15CĐ-CTM4	15/04/1997
52	15002711	Lê Phước Đông	15CĐ-CTM4	08/08/1997
53	15002694	Lưu Quốc Đạt	15CĐ-CTM4	9/10/1997
54	15002473	Nguyễn Công Minh	15CĐ-CTM4	05/11/1996
55	15002572	Nguyễn Thanh Hùng	15CĐ-CTM4	02/12/1997
56	15002623	Nguyễn Tiến Mạnh	15CĐ-CTM4	17/09/1996
57	15002613	Phạm Sơn Lâm	15CĐ-CTM4	13/10/1996
58	15002649	Trần Quang Trung	15CĐ-CTM4	19/01/1997
59	15002984	Đặng Văn Tiến	15CĐ-CTM5	20/08/1997
60	15003160	Nguyễn Thế Hoàng	15CĐ-CTM5	09/10/1997
61	15002950	Phạm Bá Trung	15CĐ-CTM5	21/08/1997
62	15002896	Trần Nhật Duy	15CĐ-CTM5	27/02/1996
63	15003129	Võ Thành Trí	15CĐ-CTM5	11/12/1997
64	15003407	Kiều Công Danh	15TCN-CKL	24/03/1998
65	15003478	Võ Duy Luân	15TCN-CKL	10/01/2000
66	16000180	Lê Tấn Đạt	16CĐ-CD1	17/05/1994
67	16001759	Lê Văn Trường	16CĐ-CD1	26/02/1998
68	16003724	Nguyễn Công Luân	16CĐ-CD1	14/11/1996
69	16003209	Nguyễn Đức Chi	16CĐ-CD1	28/01/1995
70	16000932	Trương Phúc Hậu	16CĐ-CD1	04/07/1998
71	16003164	Đàm Mạnh Duy	16CĐ-CDT1	15/01/1996
72	16003470	Lê Văn Thảo	16CĐ-CDT1	09/05/1998
73	16003169	Ngô Hoài Thương	16CĐ-CDT1	29/05/1996
74	16003044	Nguyễn Minh Thái	16CĐ-CDT1	21/10/1998
75	16003610	Nguyễn Tấn Lộc	16CĐ-CDT1	04/11/1997
76	16003333	Nguyễn Văn Đầu	16CĐ-CDT1	10/01/1997
77	16001210	Nguyễn Hữu Thi	16CĐ-CNC1	22/11/1998
78	16001080	Trần Xuân Phúc	16CĐ-CNC1	04/01/1996
79	16002314	Cao Hữu Minh	16CĐ-CTM1	24/08/1997
80	16000908	Cao Tiến Đạt	16CĐ-CTM1	16/06/1998

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
81	16000882	Huỳnh Hoàng Nam	16CĐ-CTM1	31/03/1998
82	16002580	Lê Thành Đạt	16CĐ-CTM1	15/10/1997
83	16002418	Lương Kiến Quốc	16CĐ-CTM1	30/07/1998
84	16000843	Ngô Đức Anh Tuấn	16CĐ-CTM1	16/02/1998
85	16000775	Nguyễn Chung Chí	16CĐ-CTM1	11/05/1998
86	16000662	Nguyễn Hữu Trung	16CĐ-CTM1	07/04/1997
87	16000802	Nguyễn Thanh Nhân	16CĐ-CTM1	02/05/1998
88	16000986	Nguyễn Thế Văn	16CĐ-CTM1	18/12/1998
89	16000405	Nguyễn Văn Lập	16CĐ-CTM1	04/10/1995
90	16002302	Nguyễn Văn Thuận	16CĐ-CTM1	07/11/1997
91	16002526	Phạm Cung Diễm	16CĐ-CTM1	03/09/1998
92	16001002	Phạm Trung Kiên	16CĐ-CTM1	01/10/1998
93	16003297	Phan Văn Ngân Giang	16CĐ-CTM1	28/03/1997
94	16002215	Trần Vinh Quang	16CĐ-CTM1	30/10/1998
95	16000664	Trương Văn Hiền	16CĐ-CTM1	10/08/1998
96	16002505	Võ Đại Hoàng	16CĐ-CTM1	21/04/1998
97	16000759	Vũ Ngọc Dân	16CĐ-CTM1	08/05/1998
98	16002798	Dương Minh Ngọc	16CĐ-CTM2	14/08/1998
99	16002725	Hoàng Đức Long	16CĐ-CTM2	10/12/1998
100	16002755	Hoàng Quốc Khánh	16CĐ-CTM2	21/09/1998
101	16002619	Hoàng Văn Hùng	16CĐ-CTM2	14/12/1998
102	16002315	Huỳnh Minh Vương	16CĐ-CTM2	09/02/1998
103	16002879	Lê Đại Quang	16CĐ-CTM2	29/10/1997
104	16002819	Lê Văn Dân	16CĐ-CTM2	10/06/1997
105	16002800	Lưu Đức Hào	16CĐ-CTM2	22/12/1998
106	16002754	Lưu Trọng Nghĩa	16CĐ-CTM2	31/12/1998
107	16002519	Nguyễn Anh Vũ	16CĐ-CTM2	20/07/1996
108	16002848	Nguyễn Đình Thuận	16CĐ-CTM2	06/05/1998
109	16002791	Nguyễn Tuấn Kiệt	16CĐ-CTM2	23/12/1998
110	16003077	Nguyễn Văn Hậu	16CĐ-CTM2	22/10/1997
111	16002799	Phạm Văn Doanh	16CĐ-CTM2	14/01/1998
112	16002810	Phạm Viết Thành Đạt	16CĐ-CTM2	13/12/1998
113	16001707	Trần Cao Sơn	16CĐ-CTM2	09/09/1998
114	16002858	Trần Quang Phụng	16CĐ-CTM2	14/01/1998
115	16003280	Bình Minh Nhân	16CĐ-CTM3	27/06/1998
116	16001219	Đặng Trần Hồng Nhựt	16CĐ-CTM3	18/04/1997
117	16003401	Đào Hồng Phúc	16CĐ-CTM3	16/09/1998
118	16003307	Đỗ Gia Kiệt	16CĐ-CTM3	09/08/1998
119	16003564	K' Nguyễn Ngọc Trường Sơn	16CĐ-CTM3	09/10/1998
120	16003752	Nguyễn Đặng Ý	16CĐ-CTM3	25/08/1997
121	16002916	Nguyễn Đức Anh Tuấn	16CĐ-CTM3	28/02/1998
122	16003115	Nguyễn Văn Kiên	16CĐ-CTM3	18/09/1998
123	16003131	Nguyễn Văn Linh	16CĐ-CTM3	25/04/1998

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
124	16003671	Nguyễn Văn Lộc	16CĐ-CTM3	28/11/1998
125	16003331	Nguyễn Văn Trọng	16CĐ-CTM3	06/02/1998
126	16003155	Nông Văn Thương	16CĐ-CTM3	13/09/1997
127	16003545	Phạm Hải Triều	16CĐ-CTM3	22/09/1996
128	16003213	Roãn Văn Tuấn	16CĐ-CTM3	26/07/1998
129	16003492	Tai Quang Nhật	16CĐ-CTM3	13/10/1997
130	16003143	Trần Thanh Tùng	16CĐ-CTM3	18/09/1998
131	16003225	Trương Minh Tâm	16CĐ-CTM3	26/09/1998
132	16002935	Vũ Nguyễn Nhật Huy	16CĐ-CTM3	25/02/1998
133	16002248	Bùi Thế Vỹ	16CĐ-CTM4	11/07/1998
134	16002774	Lại Văn Tuấn	16CĐ-CTM4	27/07/1996
135	16002141	Nguyễn Hữu Minh Thành	16CĐ-CTM4	19/09/1997
136	16001838	Nguyễn Long Vũ	16CĐ-CTM4	25/02/1998
137	16003760	Nguyễn Sĩ Văn	16CĐ-CTM4	13/07/1997
138	16001149	Phạm Ngọc Tuy	16CĐ-CTM4	19/02/1996
139	16002183	Vũ Hoàng Linh	16CĐ-CTM4	28/03/1998
140	16001863	A Xuân Dương	16CĐ-CTM5	26/08/1998
141	16001394	Châu Nhựt Trường	16CĐ-CTM5	04/09/1993
142	16001312	Lê Trọng Khang	16CĐ-CTM5	02/04/1998
143	16003740	Nguyễn Phạm Nhựt Phàm	16CĐ-CTM5	18/05/1998
144	16000439	Bành Phú Tiến	16TCN-CKL	28/12/2001
145	16003092	Nguyễn Quang Tiến	16TCN-CKL	15/03/1998
146	16003208	Phan Hoàng Đại Tiến	16TCN-CKL	22/09/1999
147	15001512	Nguyễn Minh Đạt	15CĐ-ĐCN1	10/12/1997
148	15002973	Hoàng Phan Thanh Tiến	15CĐ-ĐCN2	10/05/1997
149	15002930	Huỳnh Đức Hiếu	15CĐ-ĐCN2	02/09/1997
150	15000847	Huỳnh Minh Bảo	15CĐ-ĐCN2	02/09/1995
151	15002881	Kim Ngọc Xi Đene	15CĐ-ĐCN2	09/02/1996
152	15000989	Nguyễn Hoàng Nam	15CĐ-ĐCN2	20/09/1997
153	15000838	Nguyễn Phước Lộc	15CĐ-ĐCN2	03/02/1995
154	15000918	Nguyễn Quốc Việt	15CĐ-ĐCN2	10/07/1997
155	15000980	Phạm Hữu Trung	15CĐ-ĐCN2	18/12/1996
156	15002823	Võ Lý Khánh Long	15CĐ-ĐCN2	07/04/1997
157	15003087	Đặng Nhật Nam	15CĐ-ĐCN3	21/10/1997
158	15001273	Lê Tấn Phú	15CĐ-ĐCN3	12/03/1997
159	15002103	Nguyễn Đức Huy	15CĐ-ĐCN3	10/12/1996
160	15002010	Nguyễn Hữu Tài	15CĐ-ĐCN3	28/01/1997
161	15003111	Nguyễn Quang Trường	15CĐ-ĐCN3	23/07/1997
162	15001229	Nguyễn Quốc Thiện	15CĐ-ĐCN3	06/04/1997
163	15001813	Nguyễn Thế Anh	15CĐ-ĐCN3	10/11/1996
164	15002064	Nguyễn Văn Dao	15CĐ-ĐCN3	08/08/1997
165	15001704	Nguyễn Vinh	15CĐ-ĐCN3	01/04/1997
166	15002046	Phạm Minh Luân	15CĐ-ĐCN3	17/11/1996

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
167	15002308	Chiêm Ân Hiền	15CĐ-ĐCN4	01/08/1997
168	15002786	Đặng Trung Tín	15CĐ-ĐCN4	10/10/1997
169	15002774	Huỳnh Ngọc Nhân	15CĐ-ĐCN4	24/04/1997
170	15002757	Huỳnh Thanh Hậu	15CĐ-ĐCN4	18/09/1997
171	15002608	Mai Trọng Quý	15CĐ-ĐCN4	27/11/1997
172	15002671	Ngô Văn Bính	15CĐ-ĐCN4	06/03/1997
173	15002727	Nguyễn Trần Thanh Nhân	15CĐ-ĐCN4	01/01/1997
174	15002762	Nguyễn Văn Long	15CĐ-ĐCN4	15/04/1996
175	15002686	Trần Quốc Hoàng	15CĐ-ĐCN4	29/10/1997
176	15002717	Trương Doãn Lương	15CĐ-ĐCN4	20/02/1997
177	15002539	Võ Thành Nhân	15CĐ-ĐCN4	20/07/1997
178	15002342	Võ Trường Danh	15CĐ-ĐCN4	06/05/1992
179	15000499	Đặng Văn Tường	15CĐ-ĐTCN1	20/01/1996
180	15001412	Dương Khánh Duy	15CĐ-ĐTCN1	28/06/1996
181	15001760	Nguyễn Hoài Xuân	15CĐ-ĐTCN1	14/01/1992
182	15002397	Phan Quốc Cường	15CĐ-ĐTCN1	16/07/1997
183	15002958	Vũ Nhật Nam	15CĐ-ĐTCN1	17/01/1997
184	15002405	Cao Việt Thắng	15CĐ-TĐH1	30/10/1997
185	15002945	Châu Lê Nhật Trường	15CĐ-TĐH1	18/6/1997
186	15002579	Huỳnh Đăng Khoa	15CĐ-TĐH1	18/11/1996
187	15003112	Huỳnh Nhật Tiến	15CĐ-TĐH1	26/02/1997
188	15002384	Lê Đăng Tiến	15CĐ-TĐH1	17/07/1997
189	15002288	Mai Hoàng Xuân Lâm	15CĐ-TĐH1	11/02/1996
190	15003125	Nguyễn Phú Quý	15CĐ-TĐH1	08/11/1997
191	15001733	Phạm Văn Cương	15CĐ-TĐH1	02/02/1996
192	15003016	Phan Huy Hoàng	15CĐ-TĐH1	28/05/1994
193	15003015	Trần Văn Đạt	15CĐ-TĐH1	10/06/1997
194	15002759	Võ Xuân Tha	15CĐ-TĐH1	06/07/1993
195	15002628	Vũ Hữu Sơn	15CĐ-TĐH1	13/04/1997
196	15000386	Nguyễn Hùng Dũng	15TC-Đ	06/05/2000
197	15000273	Trương Quang Huy	15TC-Đ	11/06/2000
198	15000061	Vũ Quý Bảo	15TCN-Đ	16/12/1999
199	16001071	Lê Văn Tuấn	16CĐ-ĐCN1	10/03/1997
200	16002636	Nguyễn Văn Tuấn	16CĐ-ĐCN1	22/05/1998
201	16002419	Nguyễn Văn Vũ	16CĐ-ĐCN1	10/11/1998
202	16002549	Phương Thế Anh	16CĐ-ĐCN1	07/07/1998
203	16002750	Nguyễn Tấn Tuấn Vũ	16CĐ-ĐCN2	16/12/1997
204	16002830	Phạm Trí Nhân	16CĐ-ĐCN2	19/05/1998
205	16002823	Trần Nguyễn Thành Đạt	16CĐ-ĐCN2	23/09/1998
206	16002752	Trần Phú Nam	16CĐ-ĐCN2	16/08/1998
207	16003062	Trần Quốc Thái	16CĐ-ĐCN2	12/11/1997
208	16002016	Trần Văn Trọng	16CĐ-ĐCN2	09/09/1998
209	16002703	Võ Tấn Huy	16CĐ-ĐCN2	10/10/1997

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
210	16001776	Vũ Thắng	16CĐ-ĐCN2	28/10/1997
211	16002624	Đào Văn Bắc	16CĐ-ĐCN3	05/09/1995
212	16002606	Lê Duy Khánh	16CĐ-ĐCN3	13/09/1997
213	16003374	Nguyễn Doãn Khương	16CĐ-ĐCN3	08/11/1997
214	16003763	Nguyễn Phúc Hậu	16CĐ-ĐCN3	11/06/1998
215	16003571	Nguyễn Thái Duy	16CĐ-ĐCN3	05/02/1998
216	16003460	Nguyễn Thanh Tâm	16CĐ-ĐCN3	01/05/1997
217	16003704	Nguyễn Văn Thuận	16CĐ-ĐCN3	25/02/1997
218	16002673	Phạm Hoàng Tuấn	16CĐ-ĐCN3	18/11/1996
219	16003736	Trần Thanh Hà	16CĐ-ĐCN3	20/03/1993
220	16003312	Trịnh Hồng Ân	16CĐ-ĐCN3	02/09/1996
221	16003484	Vòng Nguyệt Minh	16CĐ-ĐCN3	25/10/1995
222	16002932	Hồ Tấn Phát	16CĐ-ĐCN4	06/11/1998
223	16002850	Huỳnh Minh Thuận	16CĐ-ĐCN4	26/11/1998
224	16002740	Liêu Anh Tiến	16CĐ-ĐCN4	25/12/1998
225	16001304	Mai Văn Cường	16CĐ-ĐCN4	28/10/1998
226	16002709	Nguyễn Hoàng Minh Tân	16CĐ-ĐCN4	22/11/1993
227	16001565	Nguyễn Kim Nguyên	16CĐ-ĐCN4	08/04/1998
228	16002832	Phạm Quang Phương	16CĐ-ĐCN4	01/01/1994
229	16003756	Tô Phương Trung	16CĐ-ĐCN4	14/02/1998
230	16002122	Lăng Hoàng Thiện	16CĐ-ĐCN5	08/07/1998
231	16002377	Lê Quang Tuấn	16CĐ-ĐCN5	16/01/1997
232	16002244	Nguyễn Trần Vĩnh Phước	16CĐ-ĐCN5	21/08/1996
233	16003588	Đặng Hoàng Vũ	16CĐ-ĐTCN1	30/06/1997
234	16003397	Đặng Ngọc Nhựt	16CĐ-ĐTCN1	17/12/1997
235	16003753	Huỳnh Trọng Tuệ	16CĐ-ĐTCN1	23/01/1997
236	16002674	Ngô Hữu Tuấn	16CĐ-ĐTCN1	27/12/1998
237	16002829	Nguyễn Công Thành	16CĐ-ĐTCN1	27/05/1998
238	16003444	Nguyễn Quang Thuận	16CĐ-ĐTCN1	29/04/1998
239	16002560	Trần Minh Phúc	16CĐ-ĐTCN1	31/01/1998
240	16003102	Võ Đại Thành	16CĐ-ĐTCN1	01/08/1998
241	16003925	Đặng Trọng Nghĩa	16CĐ-LTĐ	06/11/1996
242	16003913	Lê Lợi	16CĐ-LTĐ	25/9/1994
243	16003960	Phạm Văn Duy	16CĐ-LTĐ	25/4/1992
244	16001917	Huỳnh Kim Sang	16CĐ-TĐH1	09/04/1998
245	16003285	Nguyễn Duy Hưng	16CĐ-TĐH1	17/09/1998
246	16001902	Nguyễn Ngọc Thịnh	16CĐ-TĐH1	10/12/1998
247	16003790	Nguyễn Thành Tín	16CĐ-TĐH1	12/03/1998
248	16003276	Phan Ngọc Nguyên	16CĐ-TĐH1	13/04/1998
249	16001846	Tô Gia Bảo	16CĐ-TĐH1	13/03/1998
250	16001530	Trần Đông Phong	16CĐ-TĐH1	16/07/1998
251	16000255	Đinh Hoàng Phúc	16TCN-Đ	30/07/2001
252	16000643	Lâm Phát Tài	16TCN-Đ	19/05/2000

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
253	16002209	Lê Nguyễn Đông Vũ	16TCN-Đ	08/11/1997
254	16000256	Nguyễn Văn Tài Linh	16TCN-Đ	24/07/2000
255	15000394	Trần Như Hào	16TCN-Đ	29/01/2000
256	16000080	Bùi Quang Cường	16TCN-ĐT	07/09/2001
257	16000435	Đinh Minh Thuận	16TCN-ĐT	28/08/2001
258	16000653	Hồ Minh Phong	16TCN-ĐT	28/07/2000
259	16000646	Hoàng Quang Việt	16TCN-ĐT	22/07/2001
260	16000492	Hoàng Vũ Nhật Tân	16TCN-ĐT	08/02/2001
261	16000561	Huỳnh Văn Tuấn Kiệt	16TCN-ĐT	01/04/2001
262	16000481	Huỳnh Vũ Đăng Thiên	16TCN-ĐT	24/06/2000
263	16000580	Lê Hoàn Huy	16TCN-ĐT	31/10/1999
264	16000348	Mai Hoàng Anh	16TCN-ĐT	02/12/2001
265	16000167	Nguyễn Công Danh	16TCN-ĐT	05/10/2000
266	16000148	Nguyễn Gia Thái	16TCN-ĐT	08/02/2001
267	16000709	Nguyễn Minh Thành	16TCN-ĐT	05/10/2001
268	16003858	Nguyễn Xuân Tài	16TCN-ĐT	23/08/2000
269	16000134	Phan Khánh Khải	16TCN-ĐT	09/05/2001
270	16001118	Trần Minh Hải	16TCN-ĐT	27/10/2001
271	16000618	Trần Vĩ Khang	16TCN-ĐT	20/03/2001
272	16000135	Võ Thành Đạt	16TCN-ĐT	23/10/2001
273	16003252	Đỗ Văn Hà	16TCT-Đ	21/04/1996
274	16001877	Nguyễn Hoàng Hải	16TCT-Đ	28/10/1998
275	16001799	Nguyễn Ngọc Thành	16TCT-Đ	18/11/1998
276	16002984	Nguyễn Thanh Tâm	16TCT-Đ	21/09/1998
277	16002108	Trần Đoàn Quang Huy	16TCT-Đ	01/01/1997
278	16003184	Trần Nhật Duy	16TCT-Đ	16/12/1998
279	16003453	Vì Đình Khải	16TCT-Đ	23/03/1997
280	15003485	Nguyễn Quốc Thế	15CDN-Ô	05/06/1997
281	15002746	Huỳnh Bảo Anh	15CD-Ô1	18/04/1997
282	15000860	Mai Xuân Trường	15CD-Ô1	22/9/1997
283	15000816	Nguyễn Hồng Tơ	15CD-Ô1	10/12/1997
284	15000814	Nguyễn Thành Bảo	15CD-Ô1	24/01/1997
285	15003181	Nguyễn Thanh Hồng	15CD-Ô1	26/10/1981
286	15000855	Phạm Tài Tuấn	15CD-Ô1	29/11/1997
287	15003168	Phạm Văn Hậu	15CD-Ô1	03/05/1997
288	15002493	Bùi Thượng Lưu	15CD-Ô2	10/10/1997
289	15002745	Đặng Hoàng Sang	15CD-Ô2	01/08/1997
290	15000656	Huỳnh Nhật Duy	15CD-Ô2	21/11/1997
291	15000614	Lê Thanh Hưng	15CD-Ô2	24/04/1997
292	15000583	Ngô Năng Võ	15CD-Ô2	17/04/1997
293	15000655	Nguyễn Chánh Triệu	15CD-Ô2	22/04/1997
294	15003359	Nguyễn Đức Hiền	15CD-Ô2	08/05/1997
295	15003202	Nguyễn Hữu Hậu	15CD-Ô2	03/05/1997

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
296	15000730	Trần Minh Trung	15CD-Ô2	12/09/1997
297	15000712	Võ Hoài Nam	15CD-Ô2	24/10/1997
298	15002593	Võ Minh Khương	15CD-Ô2	23/11/1997
299	15000546	Bùi Phúc Thịnh	15CD-Ô3	24/07/1997
300	15000554	Cao Phi Long	15CD-Ô3	27/03/1997
301	15002923	Lưu Hữu Sang	15CD-Ô3	08/08/1997
302	15002685	Nguyễn Huỳnh Mạnh	15CD-Ô3	31/12/1997
303	15001093	Huỳnh Trương Phương	15CD-Ô4	08/10/1997
304	15003510	Nguyễn Bùi Như Ý	15CD-Ô4	14/01/1997
305	15001108	Nguyễn Ngọc Tuấn	15CD-Ô4	24-3-1997
306	15001121	Phạm Minh Lưu	15CD-Ô4	13/06/1996
307	15001614	Phan Duy Thiện	15CD-Ô4	08/01/1996
308	15002303	Lê Duy Anh	15CD-Ô5	18/02/1996
309	15001409	Nguyễn Thanh Liêm	15CD-Ô5	25/1/1997
310	15001453	Nguyễn Tấn Khải	15CD-Ô6	05/05/1997
311	15002041	Phan Nguyễn Duy Khiêm	15CD-Ô6	27/4/1997
312	15000775	Phạm Quốc Khánh	15TCN-Ô1	05/01/1999
313	15000392	Võ Tuấn Anh	15TCN-Ô1	25/03/2000
314	15000493	Vương Anh Bảo	15TCN-Ô1	28/07/1999
315	15003118	Nguyễn Quang Trường	15TC-Ô	17/07/1998
316	15003022	Thắm Trung Anh	15TC-Ô	11/11/1998
317	16003951	Ngô Tấn Tú	16CD-LTÔTÔ	27/11/1992
318	16003918	Nguyễn Thành Hiếu	16CD-LTÔTÔ	02/4/1997
319	16001591	Gịp Lương Phong	16CDN-Ô1	18/07/1998
320	16000715	Trương Đăng Quy	16CDN-Ô1	28/03/1998
321	16003150	Bùi Tấn Vương	16CDN-Ô2	27/01/1997
322	16003771	Điêu Anh Hùng	16CDN-Ô2	04/02/1998
323	16003187	Đoàn Quốc Vương	16CDN-Ô2	01/06/1998
324	16003493	Đồng Văn Nhựt	16CDN-Ô2	22/10/1998
325	16002407	La Văn Giới	16CDN-Ô2	19/12/1997
326	16003734	Lê Hải Quốc Khoa	16CDN-Ô2	26/12/1996
327	16003344	Lê Quang Đạt	16CDN-Ô2	22/01/1997
328	16003461	Lý Xuân Duy	16CDN-Ô2	16/06/1997
329	16000178	Nguyễn Đức Duy	16CDN-Ô2	08/03/1997
330	16003343	Nguyễn Hữu Nhu	16CDN-Ô2	06/04/1998
331	16002795	Phạm Học Gia Luân	16CDN-Ô2	11/11/1998
332	16003776	Phạm Ngọc Thiện	16CDN-Ô2	02/06/1998
333	16002776	Phạm Tấn Tài	16CDN-Ô2	07/09/1998
334	16003167	Trần Quốc Đạt	16CDN-Ô2	21/11/1996
335	16003529	Đinh Quý Gia Huy	16CD-Ô1	02/02/1998
336	16000739	Ngô Thanh Nguyên	16CD-Ô1	22/12/1998
337	16000763	Nguyễn Đức Huy	16CD-Ô1	03/05/1997
338	16001302	Trần Minh Dũng	16CD-Ô1	20/01/1998

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
339	16000850	Hoàng Đức Huy	16CD-Ô10	15/08/1998
340	16000797	Huỳnh Hữu Tình	16CD-Ô10	22/10/1998
341	16000895	Huỳnh Tiến Thành	16CD-Ô10	10/06/1998
342	16000815	Nguyễn Lê Vũ Tường	16CD-Ô10	01/02/1998
343	16000841	Nguyễn Thái Long	16CD-Ô10	25/03/1997
344	16000910	Nguyễn Thành Luân	16CD-Ô10	23/12/1998
345	16000836	Nguyễn Văn Phát	16CD-Ô10	15/08/1997
346	16000907	Phạm Văn Thắng	16CD-Ô10	08/09/1998
347	16000902	Trương Hữu Phàm	16CD-Ô10	17/02/1998
348	16001017	Đỗ Minh Hải	16CD-Ô11	10/05/1995
349	16000989	Đỗ Trọng Dương	16CD-Ô11	26/09/1997
350	16001073	Lê Hữu Tài	16CD-Ô11	14/06/1998
351	16000944	Lý Hoàng Tuấn Kiệt	16CD-Ô11	19/09/1998
352	16000982	Nguyễn Cao Tấn	16CD-Ô11	21/06/1998
353	16001218	Nguyễn Tấn Tới	16CD-Ô11	29/12/1998
354	16001031	Phạm Văn Minh Nhựt	16CD-Ô11	19/05/1998
355	16000956	Trịnh Hoài Vĩ	16CD-Ô11	20/07/1998
356	16001022	Trịnh Khôi Nguyên	16CD-Ô11	03/06/1998
357	16001142	Chung Vĩnh Luân	16CD-Ô12	24/04/1998
358	16001111	Hoàng Quốc Trung	16CD-Ô12	01/11/1998
359	16001078	Lê Văn Đại	16CD-Ô12	27/01/1998
360	16001148	Nguyễn Trần Minh Đức	16CD-Ô12	15/05/1998
361	16001077	Nguyễn Văn Nhã	16CD-Ô12	08/01/1998
362	16001129	Phạm Văn Tiến	16CD-Ô12	10/10/1998
363	16001152	Trần Quốc Thanh	16CD-Ô12	23/11/1998
364	16001090	Trần Việt Cường	16CD-Ô12	25/05/1998
365	16001273	Võ Chí Trung	16CD-Ô12	29/01/1998
366	16001482	Đặng Gia Thịnh	16CD-Ô2	03/06/1997
367	16001352	Lê Thành Phát	16CD-Ô2	14/08/1998
368	16003340	Nguyễn Văn Linh	16CD-Ô2	10/10/1996
369	16001350	Phan Ngọc Minh Thịnh	16CD-Ô2	05/10/1998
370	16001331	Trần Ngọc Cảnh	16CD-Ô2	29/07/1997
371	16001620	Đinh Hoàng Anh Tuấn	16CD-Ô3	19/08/1998
372	16001533	Hoàng Long Bảo Chấn	16CD-Ô3	14/07/1998
373	16001619	Nguyễn Minh Kiệt	16CD-Ô3	27/02/1998
374	16001555	Nguyễn Ngọc Trung	16CD-Ô3	17/08/1998
375	16001520	Nguyễn Phúc Toàn	16CD-Ô3	13/01/1997
376	16001653	Nguyễn Quốc Tùng	16CD-Ô3	13/10/1998
377	16001508	Nguyễn Thanh Hòa	16CD-Ô3	12/07/1996
378	16001618	Nguyễn Thanh Phong	16CD-Ô3	19/02/1998
379	16001554	Phạm Thế Vinh	16CD-Ô3	15/03/1998
380	16001504	Phan Quốc Việt	16CD-Ô3	01/07/1998
381	16001645	Sùng A Sèn	16CD-Ô3	30/12/1997

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
382	16003585	Trần Minh Nam	16CD-Ô3	01/01/1997
383	16001586	Trần Triều Tân	16CD-Ô3	05/05/1998
384	16001771	Đỗ Duy Thảo	16CD-Ô4	06/11/1998
385	16001787	Dương Minh Đức	16CD-Ô4	09/08/1997
386	16001284	Huỳnh Nhật Nam	16CD-Ô4	04/10/1998
387	16001681	Mai Quốc Thái	16CD-Ô4	19/03/1998
388	16002967	Nguyễn Tấn Phong	16CD-Ô4	10/08/1998
389	16001819	Nguyễn Văn Danh	16CD-Ô4	02/12/1998
390	16001801	Nguyễn Xuân Duy	16CD-Ô4	18/09/1998
391	16001693	Phạm Duy Tân	16CD-Ô4	17/09/1997
392	16003618	Trần Hoàng Huy	16CD-Ô4	10/11/1998
393	16001805	Trần Hồng Quân	16CD-Ô4	18/10/1993
394	16001232	Trần Minh Khá	16CD-Ô4	13/08/1997
395	16003690	Võ Ngọc Đức	16CD-Ô4	30/08/1997
396	16002705	Vũ Anh Nguyên	16CD-Ô4	14/10/1998
397	16002077	Đinh Vĩnh Phú	16CD-Ô5	04/02/1997
398	16003717	Hà Tuấn Anh	16CD-Ô5	22/05/1998
399	16002032	Lê Truyền Long	16CD-Ô5	18/07/1998
400	16001995	Nguyễn Duy	16CD-Ô5	20/04/1998
401	16001957	Nguyễn Hữu Huyền	16CD-Ô5	18/02/1998
402	16001955	Nguyễn Phúc Thiện	16CD-Ô5	03/09/1997
403	16002013	Phan Thanh Lâm	16CD-Ô5	16/08/1997
404	16001958	Trà Thanh Lam	16CD-Ô5	05/09/1997
405	16001872	Trần Công Tiến	16CD-Ô5	02/06/1998
406	16001904	Trần Ngọc Hồng Hải	16CD-Ô5	01/04/1998
407	16001279	Cao Văn Phong	16CD-Ô6	15/03/1998
408	16002252	Đoàn Thế Khải	16CD-Ô6	17/08/1996
409	16003741	Hà Văn Đông	16CD-Ô6	25/03/1998
410	16001249	Hoàng Tuấn Phong	16CD-Ô6	02/06/1998
411	16002213	Huỳnh Ngọc Quý	16CD-Ô6	10/09/1997
412	16002126	Nguyễn Công Minh	16CD-Ô6	23/05/1998
413	16002356	Nguyễn Quyền Yến Nhi	16CD-Ô6	20/10/1997
414	16002220	Trần Chí Thành	16CD-Ô6	24/02/1998
415	16002219	Trần Đình Bảo	16CD-Ô6	23/09/1998
416	16002130	Vũ Duy Lâm	16CD-Ô6	12/02/1998
417	16002287	Vũ Hữu Huy	16CD-Ô6	18/11/1998
418	16002486	Đinh Trọng Tuấn	16CD-Ô7	10/10/1997
419	16002485	Hồ Ngô Thanh Thiên	16CD-Ô7	24/01/1998
420	16002503	Huỳnh Trần Minh Trí	16CD-Ô7	25/01/1995
421	16002496	Lâm Tín Nghĩa	16CD-Ô7	20/08/1997
422	16002555	Lê Ngọc Thiện	16CD-Ô7	19/03/1998
423	16002420	Ngô Tấn Trường	16CD-Ô7	19/10/1998
424	16002465	Nguyễn Hoàng Tuấn	16CD-Ô7	19/04/1996

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
425	16002436	Nguyễn Quốc Duy	16CD-Ô7	27/07/1997
426	16002408	Nguyễn Văn Thiên	16CD-Ô7	26/09/1998
427	16002554	Phạm Nguyễn Cường Thịnh	16CD-Ô7	07/09/1998
428	16002475	Phạm Phước Trường	16CD-Ô7	27/09/1998
429	16002464	Trần Minh Tuấn	16CD-Ô7	26/09/1998
430	16002364	Trần Phạm Thế Ngọc	16CD-Ô7	17/06/1998
431	16003329	Trang Minh Khiêm	16CD-Ô7	01/05/1998
432	16002715	Đàm Quyền	16CD-Ô8	08/11/1998
433	16002707	Hứa Thanh Trí	16CD-Ô8	12/03/1996
434	16001252	Huỳnh Thanh Tấn	16CD-Ô8	26/03/1998
435	16002701	Lê Anh Dũng	16CD-Ô8	26/08/1998
436	16002639	Lê Văn Duy	16CD-Ô8	13/05/1998
437	16002669	Lương Thanh Diêm	16CD-Ô8	28/07/1998
438	16002817	Ngô Hiệp Phát	16CD-Ô8	16/04/1998
439	16002843	Ngô Quế Thanh	16CD-Ô8	03/03/1998
440	16002720	Nguyễn Văn Tân	16CD-Ô8	30/01/1998
441	16002804	Nguyễn Xuân Tùng	16CD-Ô8	19/04/1996
442	16002655	Phạm Đức Hải	16CD-Ô8	25/09/1998
443	16002625	Phạm Hữu Phú	16CD-Ô8	13/01/1989
444	16002820	Phan Quốc Hưng	16CD-Ô8	22/08/1998
445	16002693	Thái Quang Thiện	16CD-Ô8	02/05/1998
446	16002622	Trần Bá Hoàn	16CD-Ô8	13/11/1998
447	16002575	Trần Ngọc Duy	16CD-Ô8	02/07/1996
448	16002728	Trần Tuấn Huy	16CD-Ô8	03/03/1998
449	16002751	Trương Thế Hậu	16CD-Ô8	05/02/1998
450	16003076	Đinh Tiến Đạt	16CD-Ô9	18/07/1998
451	16003078	Đồng Minh Hoàng	16CD-Ô9	28/06/1998
452	16003055	Nguyễn Danh Tuấn	16CD-Ô9	27/06/1996
453	16002872	Nguyễn Hoài Phong	16CD-Ô9	13/05/1998
454	16003151	Nguyễn Quốc Hoàng	16CD-Ô9	11/04/1998
455	16002937	Trần Tiến Điền	16CD-Ô9	25/08/1996
456	16000367	Ngô Minh Hiếu	16TCN-Ô1	18/08/2001
457	16000032	Nguyễn Huỳnh Trọng Hiếu	16TCN-Ô1	14/03/2001
458	16000188	Trần Minh Sơn	16TCN-Ô1	06/08/2001
459	16000451	Ngô Phi Anh Tuấn	16TCN-Ô2	27/03/2001
460	16000206	Nguyễn Thanh Tùng	16TCN-Ô2	26/08/2001
461	16000276	Bùi Phan Đăng Khoa	16TC-Ô1	17/07/2001
462	16001770	Đàm Gia Tường	16TC-Ô1	13/01/2001
463	16002184	Dương Trung Khang	16TC-Ô1	09/01/2001
464	16001992	Huỳnh Phan Thanh Khiết	16TC-Ô1	04/11/1999
465	16003524	Huỳnh Thanh Nhân	16TC-Ô1	22/11/1991
466	16000314	Huỳnh Thanh Trọng	16TC-Ô1	26/12/1999
467	16002989	Lê Đức Toàn	16TC-Ô1	17/07/2000

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
468	16000603	Lý Vũ Hoàng Thông	16TC-Ô1	08/09/2000
469	16000049	Ngô Trần Khôi Nguyên	16TC-Ô1	28/01/2001
470	16000673	Nguyễn Hoàng Phúc	16TC-Ô1	18/10/2000
471	16002110	Nguyễn Lê Quỳnh Khôi	16TC-Ô1	11/05/2001
472	16003015	Nguyễn Ngọc Đông	16TC-Ô1	14/11/1998
473	16000413	Nguyễn Nhật Nam	16TC-Ô1	29/11/2001
474	16000290	Nguyễn Thành Nhân	16TC-Ô1	23/02/2001
475	16001231	Nguyễn Thanh Thành	16TC-Ô1	15/10/1990
476	16003482	Nguyễn Văn Toàn	16TC-Ô1	06/08/1999
477	16000237	Phan Tấn Mẫn	16TC-Ô1	29/07/2000
478	16000553	Trần Anh Dũng	16TC-Ô1	05/06/2001
479	16003059	Trương Công Thành	16TC-Ô1	20/03/1998
480	16000488	Võ Thái Quốc	16TC-Ô1	30/01/2001
481	16003293	Hà Tiến Đạt	16TCT-Ô1	06/10/1997
482	16003028	Lê Nhật Tín	16TCT-Ô1	07/08/1997
483	16001847	Nguyễn Đăng Khánh	16TCT-Ô1	03/11/1997
484	16000642	Nguyễn Đức Lộc	16TCT-Ô1	19/01/1998
485	16000677	Nguyễn Hoàng	16TCT-Ô1	01/06/1998
486	16000682	Nguyễn Tấn Lộc	16TCT-Ô1	08/10/1997
487	16001243	Nguyễn Thanh Tuấn	16TCT-Ô1	10/09/1997
488	16003634	Tô Thành Đạt	16TCT-Ô1	11/08/1998
489	16003540	Phan Văn Công	16TCT-Ô2	23/03/1997
490	16002917	Tạ Minh Tuấn	16TCT-Ô2	11/07/1998
491	16001187	Vương Thành Danh	16TN-Ô	20/06/1997
492	15003177	Đặng Thị Mỹ Hạnh	15CĐ-MTT1	06/6/1994
493	15001524	Đoàn Thị Phương Thảo	15CĐ-MTT1	18/08/1997
494	15000998	Hồ Thị Thanh Tuyền	15CĐ-MTT1	08/03/1997
495	15001120	Võ Thị Mỹ Duyên	15CĐ-MTT1	19/04/1995
496	15001705	Đạo Ri Nô	15CĐ-MTT2	12/04/1996
497	15001982	Đỗ Thị Thúy Diễm	15CĐ-MTT2	15/05/1997
498	15002331	Dương Thị Bích Thảo	15CĐ-MTT2	30/10/1997
499	15001677	Lâm Huỳnh Huế Trinh	15CĐ-MTT2	13/02/1997
500	15003046	Nguyễn Bảo Ân	15CĐ-MTT2	26/01/1990
501	15001642	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	15CĐ-MTT2	29/12/1997
502	15001793	Nguyễn Thị Bé Hà	15CĐ-MTT2	15/11/1996
503	15002097	Nguyễn Thị Bích Nguyễn	15CĐ-MTT2	16/08/1994
504	15002265	Nguyễn Thị Duyên An	15CĐ-MTT2	14/09/1997
505	15001907	Nguyễn Thị Ngọc Bích	15CĐ-MTT2	04/01/1997
506	15002023	Nguyễn Thị Thanh Nhiên	15CĐ-MTT2	22/11/1997
507	15002507	Trần Thị Chung	15CĐ-MTT2	03/03/1996
508	15002805	Trần Thị Tiếp	15CĐ-MTT2	01/09/1996
509	15002062	Trần Thị Trà Mí	15CĐ-MTT2	1996
510	15002529	Trương Nam Việt Anh	15CĐ-MTT2	10/08/1996

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
511	15002227	Võ Thị Nguyên Thảo	15CĐ-MTT2	12/01/1997
512	15003215	Võ Thị Thu Tinh	15CĐ-MTT2	20/02/1997
513	15002951	Lê Huyền Thuý An	15TCN-MTT	07/10/1999
514	15000063	Nguyễn Mai Hương	15TCN-MTT	10/10/2000
515	15002258	Phạm Vũ Quế Trân	15TCN-MTT	20/02/2000
516	15003378	Trần Thị Thanh Hằng	15TCN-MTT	08/02/2000
517	16000707	Bùi Thị Thanh Vy	16CĐ-MTT1	01/06/1998
518	16003660	Dương Hồng Trúc	16CĐ-MTT1	11/07/1998
519	16000832	Lê Nguyễn Mỹ Hào	16CĐ-MTT1	24/12/1997
520	16001376	Nguyễn Bá Hậu	16CĐ-MTT1	16/12/1997
521	16003639	Nguyễn Thị Hằng	16CĐ-MTT1	02/01/1998
522	16003664	Nguyễn Thị Thanh Nhân	16CĐ-MTT1	01/11/1998
523	16000878	Nguyễn Thị Thu Hà	16CĐ-MTT1	22/06/1998
524	16001437	Nguyễn Trần Thị Tuyết Hồng	16CĐ-MTT1	11/11/1998
525	16001483	Văn Thị Thu Trâm	16CĐ-MTT1	14/04/1998
526	16001911	Vũ Thanh Bình	16CĐ-MTT1	26/05/1997
527	16003227	Biện Thanh Hùng	16CĐ-MTT2	01/01/1998
528	16003017	Lê Nhật Hà	16CĐ-MTT2	02/12/1998
529	16003782	Nguyễn Thị Ninh	16CĐ-MTT2	25/02/1997
530	16003850	Nguyễn Thị Thu Uyên	16CĐ-MTT2	04/08/1998
531	16003318	Trần Thị Kim Luyến	16CĐ-MTT2	01/03/1998
532	16003712	Trần Thị Mỹ Diễm	16CĐ-MTT2	12/04/1998
533	16003305	Văn Thị Bích Quân	16CĐ-MTT2	12/07/1997
534	16002913	Phạm Thành Đạt	16TC-MTT	22/09/2000
535	15001156	Hà Thanh Hùng	15CĐ-ĐL1	10/08/1997
536	15003289	Kiều Ngọc Long	15CĐ-ĐL1	11/09/1997
537	15003219	Ngô Hoàng Anh	15CĐ-ĐL1	26/12/1997
538	15001233	Ngô Minh Bảo	15CĐ-ĐL1	17/07/1997
539	15001263	Nguyễn Duy Thành	15CĐ-ĐL1	29/06/1996
540	15003264	Nguyễn Lương phi Hùng	15CĐ-ĐL1	10/11/1997
541	15002788	Nguyễn Minh Khiêm	15CĐ-ĐL1	29/04/1995
542	15001369	Ninh Minh Tuấn	15CĐ-ĐL1	17/02/1996
543	15001477	Phạm Minh Cường	15CĐ-ĐL1	14/01/1997
544	15001423	Phạm Ngọc Trai	15CĐ-ĐL1	20/06/1997
545	15002410	Trương Thanh Khoa	15CĐ-ĐL1	31/10/1997
546	15002420	Vĩnh Thành Lâm	15CĐ-ĐL1	20/03/1997
547	15002149	Đỗ Quốc Kỳ	15CĐ-ĐL2	02/11/1997
548	15003012	Đỗ Trọng Nghĩa	15CĐ-ĐL2	19/08/1994
549	15001660	Huỳnh Đức Trọng	15CĐ-ĐL2	09/03/1997
550	15001509	Huỳnh Trần Được	15CĐ-ĐL2	05/01/1997
551	15001303	Lê Minh Tuấn	15CĐ-ĐL2	23/03/1996
552	15002030	Lê Ngọc Nông	15CĐ-ĐL2	26/9/1997
553	15002748	Lư Hoàng Minh	15CĐ-ĐL2	15/11/1996

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
554	15002345	Ngô Tấn Quốc	15CĐ-ĐL2	05/09/1997
555	15002755	Nguyễn Anh Tuấn	15CĐ-ĐL2	28/09/1997
556	15003269	Nguyễn Hải Thiện	15CĐ-ĐL2	05/12/1996
557	15001669	Nguyễn Kim Thanh	15CĐ-ĐL2	04/04/1993
558	15002241	Nguyễn Minh Chiến	15CĐ-ĐL2	17/01/1997
559	15003383	Nguyễn Quang Thanh	15CĐ-ĐL2	03/12/1997
560	15001955	Phạm Duy Liêu	15CĐ-ĐL2	15/01/1997
561	15001795	Phạm Trung Linh	15CĐ-ĐL2	18/05/1997
562	15002038	Phạm Xuân Mai	15CĐ-ĐL2	10/05/1997
563	15002243	Phan Xuân Thông	15CĐ-ĐL2	19/12/1997
564	15002164	Quách Thiệu Minh	15CĐ-ĐL2	04/07/1997
565	15002340	Trần Anh Tài	15CĐ-ĐL2	17/05/1997
566	15001802	Trần Quang Nhẫn	15CĐ-ĐL2	11/10/1997
567	15003304	Trang Minh Tiến	15CĐ-ĐL2	21/11/1995
568	15001391	Trương Thanh Thịnh	15CĐ-ĐL2	15/5/1997
569	15003062	Võ Văn Song Toàn	15CĐ-ĐL2	04/08/1997
570	15003473	Nguyễn Huy Nhật Huy	15TC-NL	28/11/2000
571	15002425	Thân Hữu Kiệt	15TCN-LĐL	12/07/2000
572	16001655	Dương Quan Minh	16CĐ-ĐL1	20/01/1997
573	16001569	Kiều Anh Hào	16CĐ-ĐL1	02/11/1998
574	16001654	Lâm Thanh Trường	16CĐ-ĐL1	10/01/1998
575	16001742	Lương Tuấn Kiệt	16CĐ-ĐL1	15/11/1997
576	16001147	Nguyễn Quang Linh	16CĐ-ĐL1	18/08/1998
577	16002460	Huỳnh Đại Nghĩa	16CĐ-ĐL2	29/05/1998
578	16001930	Nguyễn Bá Minh Hoàng	16CĐ-ĐL2	04/07/1998
579	16001901	Nguyễn Minh Khanh	16CĐ-ĐL2	28/07/1997
580	16001970	Nguyễn Nhật Hưng	16CĐ-ĐL2	30/08/1998
581	16002149	Nguyễn Nhựt Kha	16CĐ-ĐL2	02/05/1996
582	16001968	Nguyễn Văn Long	16CĐ-ĐL2	13/12/1998
583	16001842	Phạm Nguyễn Trung Hiếu	16CĐ-ĐL2	09/12/1998
584	16002102	Trần Đình Khương Duy	16CĐ-ĐL2	24/07/1997
585	16002318	Trương Văn Ninh	16CĐ-ĐL2	06/02/1997
586	16002646	Châu Đình Phương	16CĐ-ĐL3	28/07/1997
587	16002805	Đào Đình Cường	16CĐ-ĐL3	22/09/1997
588	16001602	Nguyễn Hữu Toàn	16CĐ-ĐL3	12/11/1998
589	16002659	Nguyễn Huỳnh Đức Phúc	16CĐ-ĐL3	14/07/1998
590	16003262	Nguyễn Quang Sang	16CĐ-ĐL3	21/02/1998
591	16002658	Nguyễn Văn Tuyển	16CĐ-ĐL3	27/04/1998
592	16003700	Phạm Duy Tâm	16CĐ-ĐL3	06/10/1994
593	16003354	Phạm Tấn Tài	16CĐ-ĐL3	16/10/1997
594	16003531	Trần Đức Sơn	16CĐ-ĐL3	17/06/1998
595	16002758	Trần Mạnh Duy	16CĐ-ĐL3	17/08/1997
596	16003622	Võ Minh Nhựt	16CĐ-ĐL3	19/12/1996

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
597	16000045	Đặng Gia Thành	16TCN-LĐL1	03/12/2001
598	16000171	Lê Kim Thìn	16TCN-LĐL1	31/12/2000
599	16002030	Lê Vũ Công Truyền	16TCN-LĐL1	13/01/2000
600	16000421	Nguyễn Hiếu Hồng Phi	16TCN-LĐL1	14/10/2000
601	16000509	Nguyễn Hoàng Anh	16TCN-LĐL1	15/02/2001
602	16000103	Nguyễn Quốc Trường	16TCN-LĐL1	12/06/2000
603	16000234	Nguyễn Trọng Phú Cường	16TCN-LĐL1	26/06/2001
604	16000128	Nguyễn Trung Hiếu	16TCN-LĐL1	28/06/2001
605	16000012	Vũ Lê Bá Tùng	16TCN-LĐL1	12/09/2000
606	15002297	Huỳnh Tấn Hải	15CĐ-TM1	05/03/1997
607	15000974	Quang Chí Thạnh	15CĐ-TM1	06/02/1997
608	15000853	Trần Minh Trí	15CĐ-TM1	09/01/1997
609	15002750	Đào Phú Tân	15CĐ-TM2	09/02/1997
610	15002728	Hồ Anh Luân	15CĐ-TM2	26/12/1997
611	15002594	Lê Ngọc Thành	15CĐ-TM2	30/11/1990
612	15002006	Lương Hoài Nhớ	15CĐ-TM2	08/09/1996
613	15002804	Nguyễn Phúc Hậu	15CĐ-TM2	27/10/1997
614	15002002	Nguyễn Quân	15CĐ-TM2	05/09/1997
615	15002638	Phạm Ái Nhi	15CĐ-TM2	16/03/1997
616	15002369	Phạm Nhã Tuấn	15CĐ-TM2	17/10/1997
617	15002180	Trần Minh Tuấn	15CĐ-TM2	04/01/1996
618	15001154	Đỗ Đức Huy	15CĐ-TP1	22/12/1996
619	15001294	Đỗ Huy	15CĐ-TP1	19/01/1997
620	15001893	Lê Hữu Hào	15CĐ-TP1	15/10/1996
621	15001084	Nguyễn Quang Hữu	15CĐ-TP1	16/10/1995
622	15001788	Nguyễn Thị Minh Nhật	15CĐ-TP1	23/05/1995
623	15001246	Nguyễn Trọng Hiếu	15CĐ-TP1	19/06/1996
624	15001413	Nguyễn Văn Hải	15CĐ-TP1	29/09/1997
625	15001014	Nguyễn Văn Hồng	15CĐ-TP1	03/10/1997
626	15001585	Nguyễn Văn Sang	15CĐ-TP1	25/09/1996
627	15000648	Trần Thị Mỹ Nương	15CĐ-TP1	27/04/1995
628	15003119	Vũ Đăng Khoa	15CĐ-TP1	28/01/1997
629	15002879	Châu Minh Hùng	15CĐ-TP2	20/02/1996
630	15002863	Nguyễn Tiến Triệu	15CĐ-TP2	29/05/1997
631	15001706	Trần Ngọc Tùng	15CĐ-TP2	21/06/1996
632	15002771	Trần Phước Lộc	15CĐ-TP2	13/05/1997
633	15000424	Bùi Hoài Quốc Thanh	15CĐ-TW	17/07/1997
634	15002255	Nguyễn Thanh Bình	15CĐ-TW	17/02/1996
635	15002590	Nguyễn Thị Ngọc Kim	15CĐ-TW	29/10/1997
636	15002738	Nông Thị Thu Thủy	15CĐ-TW	14/10/1997
637	15002414	Huỳnh Quốc Cường	15TCN-QTM1	13/11/2000
638	15000367	Lê Đỗ Huyền Trân	15TCN-QTM1	31/01/2000
639	15003040	Lê Ngọc Khanh	15TCN-QTM1	26/09/2000

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
640	15000891	Lê Nhã Trúc	15TCN-QTM1	23/09/2000
641	15000073	Nguyễn Hoàng Nhật Huy	15TCN-QTM1	10/09/2000
642	15003402	Nguyễn Phạm Thanh Thảo	15TC-QTM	15/12/1999
643	16003930	Ngô Thanh Danh	16CĐ-LTCNTT	01/12/1990
644	16003939	Nguyễn Thanh Lộc	16CĐ-LTCNTT	29/8/1996
645	16003952	Tiêu Vạn Quang	16CĐ-LTCNTT	16/9/1987
646	16001954	Đàm Văn Bình	16CĐ-TM1	21/10/1997
647	16001778	Liêu Hồ Vũ Khánh	16CĐ-TM1	13/08/1998
648	16002234	Nguyễn Công Hùng	16CĐ-TM1	25/11/1998
649	16003522	Nguyễn Minh Trọng	16CĐ-TM1	20/01/1998
650	16002116	Nguyễn Ngọc Bảo	16CĐ-TM1	10/09/1998
651	16002118	Nguyễn Nhựt Hào	16CĐ-TM1	25/07/1998
652	16001439	Nguyễn Thành An	16CĐ-TM1	30/05/1998
653	16001633	Phạm Hoàng Gia Bảo	16CĐ-TM1	20/12/1998
654	16003688	Phùng Ha Công	16CĐ-TM1	02/05/1996
655	16002276	Võ Nhật Duy	16CĐ-TM1	11/03/1998
656	16002609	Lê Phùng Mạnh Thảo	16CĐ-TM2	18/12/1997
657	16002535	Nguyễn Đạo Minh	16CĐ-TM2	08/01/1998
658	16003898	Nguyễn Hoàng Minh Huy	16CĐ-TM2	29/07/1993
659	16001177	Nguyễn Minh Hiếu	16CĐ-TM2	19/12/1998
660	16003738	Nguyễn Thành Nam	16CĐ-TM2	21/06/1997
661	16002736	Trần Quốc Việt	16CĐ-TM2	22/04/1998
662	16003420	Nguyễn Việt Hiệp	16CĐ-TP1	25/08/1998
663	16003881	Phạm Hoa Vinh	16CĐ-TP1	02/06/1996
664	16002976	Lê Vinh	16CĐ-TP2	06/06/1998
665	16000825	Đàm Trí Dũng	16CĐ-TW1	18/07/1998
666	16003628	Hồ Đình Thoại	16CĐ-TW1	25/04/1997
667	16000839	Lê Anh Thư	16CĐ-TW1	19/02/1998
668	16000873	Nguyễn Ánh Quốc	16CĐ-TW1	04/08/1997
669	16003250	Nguyễn Bá Thịnh	16CĐ-TW1	23/02/1997
670	16003368	Nguyễn Hoàng Anh Trung	16CĐ-TW1	31/03/1998
671	16003851	Nguyễn Văn Châu	16CĐ-TW1	07/01/1998
672	16001333	Vòng Bing Kiệt	16CĐ-TW1	31/10/1998
673	16002142	Bùi Tấn Phái	16CĐ-TW2	30/05/1997
674	16002645	Châu Đình Thắng	16CĐ-TW2	21/10/1995
675	16001993	Đào Văn Thân	16CĐ-TW2	28/06/1998
676	16001942	Hạ Quốc Thắng	16CĐ-TW2	05/08/1998
677	16001726	Lê Trọng Hữu	16CĐ-TW2	13/09/1998
678	16001470	Lý Huỳnh Quang Vinh	16CĐ-TW2	06/06/1997
679	16002139	Nguyễn Anh Quốc	16CĐ-TW2	27/09/1998
680	16002062	Nguyễn Hồng Thái	16CĐ-TW2	08/02/1997
681	16002390	Phạm Xuân Thành	16CĐ-TW2	08/02/1997
682	16001647	Tạ Lê Minh Thiện	16CĐ-TW2	18/02/1997

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
683	16003125	Văn Minh Tân	16CĐ-TW2	23/02/1998
684	16001909	Võ Đông Kiên	16CĐ-TW2	03/09/1996
685	16000457	Đặng Quốc Cường	16TCN-QTM1	21/03/2001
686	16000357	Đoàn Chí Tân	16TCN-QTM1	16/08/2001
687	16000288	Lê Thành Dương	16TCN-QTM1	14/07/2001
688	16002706	Lương Hiền Hoài	16TCN-QTM1	19/09/2000
689	16000464	Lý Đông Quyền	16TCN-QTM1	28/04/2001
690	16000547	Nguyễn Đoàn Thanh Quang	16TCN-QTM1	04/10/2001
691	16000267	Nguyễn Ngọc Diệp	16TCN-QTM1	01/11/2001
692	16000003	Nguyễn Quốc Thắng	16TCN-QTM1	04/11/1997
693	16000635	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	16TCN-QTM1	20/08/2001
694	16000228	Nguyễn Trần Thanh Tú	16TCN-QTM1	19/09/2000
695	16000034	Phạm Phương Lâm	16TCN-QTM1	04/01/2001
696	16000540	Trần Phi Long	16TCN-QTM1	10/11/2000
697	16000081	Trần Tuấn Hiếu	16TCN-QTM1	23/11/2001
698	16000037	Trương Mạnh Hiếu	16TCN-QTM1	03/08/2001
699	16003538	Bùi Anh Kiệt	16TCN-QTM2	03/04/2000
700	16002111	Đỗ Duy Minh	16TCN-QTM2	05/04/2001
701	16000062	Đoàn Ngọc Giao Tiên	16TCN-QTM2	16/11/2001
702	16001282	Hoàng Thế Toàn	16TCN-QTM2	28/06/1999
703	16000637	Lê Minh Đức	16TCN-QTM2	03/02/2001
704	16002412	Lê Như Sáng	16TCN-QTM2	07/08/1997
705	16003630	Lê Quốc Nhật	16TCN-QTM2	04/04/2001
706	16001464	Nguyễn Hoàng Tâm	16TCN-QTM2	12/08/2001
707	16000575	Nguyễn Nhật Minh	16TCN-QTM2	09/06/2001
708	16001387	Nguyễn Phúc Thắng	16TCN-QTM2	10/04/1999
709	16000585	Nguyễn Thanh Hậu	16TCN-QTM2	20/01/2001
710	16000713	Nguyễn Thành Tài	16TCN-QTM2	02/07/2001
711	16002956	Nguyễn Trường Thịnh	16TCN-QTM2	15/02/2001
712	16002988	Nguyễn Vũ Hoàng Duy	16TCN-QTM2	01/01/2001
713	16003906	Phạm Gia Khiêm	16TCN-QTM2	14/11/2000
714	16003682	Phan Nguyễn Quỳnh Thy	16TCN-QTM2	21/09/2001
715	16001049	Thái Kim Trọng	16TCN-QTM2	20/10/1997
716	16001546	Thiều Văn Phước Tài	16TCN-QTM2	06/03/2000
717	16003870	Trần Văn Sang	16TCN-QTM2	18/01/2001
718	16000199	Đỗ Đặng Thiên Phúc	16TC-QTM	29/10/2001
719	16001811	Mai Chí Ba	16TC-QTM	14/11/1997
720	16000584	Phan Trần Minh Đan	16TC-QTM	16/04/2000
721	16002582	Võ Nhật Minh	16TC-QTM	11/08/2000
722	16001664	Lê Gia Huy	16TCT-QTM	22/09/1998
723	16002255	Lê Huỳnh Bá Lộc	16TCT-QTM	13/08/1998
724	16000777	Phan Trọng Nghĩa	16TCT-QTM	06/09/1997
725	16000913	Quách Ngọc Tú Thương	16TCT-QTM	21/09/1996

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
726	16003081	Trần Vĩnh Thành	16TCT-QTM	28/10/1998
727	15003026	Đặng Ngọc Quỳnh Nhi	15CĐN-QTD	14/06/1997
728	15002661	Đường Nguyễn Bảo Trân	15CĐN-QTD	01/02/1997
729	16001601	Âu Thiên Quang	16CĐN-QTD	03/06/1998
730	16003648	Đặng Thị Kim Ngọc	16CĐN-QTD	01/12/1998
731	16001889	Lâm Bửu Linh	16CĐN-QTD	02/10/1998
732	16000572	Phạm Thái Hòa	16CĐN-QTD	04/12/1997
733	16000177	Bùi Quang Trường	16TCN-KTD	20/01/2001
734	16000448	Lê Ngọc Quang Lộc	16TCN-KTD	31/03/2001
735	16000465	Nguyễn Cao Điền	16TCN-KTD	07/10/2001
736	16000403	Nguyễn Phú Tuyền	16TCN-KTD	13/06/2000
737	16000077	Nguyễn Thị Tuyết Lan	16TCN-KTD	25/09/2000
738	16000587	Phạm Thái My	16TCN-KTD	21/09/2001
739	16000569	Võ Công Chí	16TCN-KTD	19/05/2000
740	16000192	Chu Thùy Dương	16TCN-QTD	08/05/2001
741	16000607	Nguyễn Bá Toàn	16TCN-QTD	30/11/2001
742	16001711	Nguyễn Hoàng Duy	16TCN-QTD	06/11/1998
743	16000010	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	16TCN-QTD	07/03/2001
744	16000114	Nguyễn Tiến Duy Tân	16TCN-QTD	23/04/2001
745	16003530	Phan Đức Thông	16TCN-QTD	24/07/2000
746	16003681	Phan Nguyễn Quỳnh Như	16TCN-QTD	21/09/2001
Tổng cộng: 746 HS - SV				

Ngày 01 tháng 12 năm 2017

NGƯỜI LẬP BẢNG

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thảo Vân



Nguyễn Kinh



Phạm Hữu Lộc